

AM THỨ 2
Số 14

Tháng Mars
và Avril 1935

VIEN AM



法界蒙黨

佛學會月刊

Nguyệt-San Phật-Học

Nam-mô Bồn-sư
Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng-Minh
PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO SƯ
Điều-Đế tự Trự-Trì: Giác-Tiên { Duyệt-y
Tùy-Ba tự Trự-Trì: Giác-Nhiên {
Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y
Ký tên thế: Lê-Đình-Thám

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ	
- Tôi biết tội (Chỉnh-Túc)	3
II — DIỄN-ĐÀN	
- Chơn bính-dăng (Chỉnh-Túc)	5
- Phật (Thích-Đôn-Hậu)	18
III. — BÌNH-NGHỊ	
- Ý-tưởng của tôi sau khi đọc bài «Thanh-niên năm 1935» của T. N. đăng trong báo T. A. (N. Xuân-Thanh).	26
IV. — NGÔN-LUẬN	
- Thanh niên của đạo Phật (Viên-Âm).	29
V. — LUẬT-HỌC	
- Phật-Học-Hội sẽ lập giới-đàn chăng? (Viên-Âm).	31
VI. — KINH HỌC	
- Đại ý kinh Thủ Lăng Nghiêm tiếp theo (Viên-Âm).	35
- Kinh Thủ-Lăng-Nghiem tiếp theo (Viên-Âm).	37
VII. — LUẬN HỌC	
- Tam cảnh (Viên-Âm)	46
VIII. — THƯƠng-LUẬN	
- Chỉnh đốn Tạng-già (Viên-Âm)	47
IX. — DỊ GIẢI	
- Qui-y tam-bảo (Viên-Âm)	52
X. — THI-LÂM	
- Khuyên người học đạo (Điều Không Nữ Sĩ)	54
XI. — SỰ TÍCH	
- Sự tích đức Phật Thích-Ca tiếp theo (Viên-Âm)	56
XII. — TIÊU-TỨC	
- Sự tích thầy Thích-Chỉnh-Túc (Phật-Học-Hội)	58
- Điều-lệ Lương-Xuyên Phật-Học-Hội.	60



PHẬT-HỌC-HỘI NGUYỆT-SAN

VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Hué được nghị-định quan Toàn-quyền ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài pháp-văn.

Giá nguyệt-san.....	{	mỗi năm.....	2\$00
		nửa năm.....	1\$10
		mỗi quyển....	0\$20

Hội Phật-Học tặng không nguyệt-san nầy cho các ngài Hội-viên của Hội. Như hai ông bà đều có chừa Hội-viên thì chỉ tặng một quyển.

TÒA SOẠN : 5 Rue Champeau — HUÉ

Thơ từ, mandat mua nguyệt-san xin gửi cho

M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Médecin Indochinois du Cadre Latéral — HUÉ
(Boîte postale n° 73)

PHỎ - CÁO

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán thành Bản San xin ghi tên vào tờ nguyệt-san (Bulletin d'abonnement), rồi gửi lại một lần với mandat đề Bản-San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ, và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giùm.

Xin giữ talon mandat mua nguyệt san để thế biên-lai.

Những bài lai-cáo đăng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đăng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên-Âm.

Đăng quảng-cáo tính giá phải chăng, xin gửi thơ thương lượng trước.

TÔI BIẾT TÔI

Đã nhiều kiếp, tôi không biết tôi, tôi để tôi theo cái sự ưa muốn mà hành-động, nên tôi phải chịu quả đầy khổ sở. Tôi lại thấy lắm người đồng bệnh với tôi cũng thường than trách như vậy. Nhưng xét cho kỹ thì than trách là than trách ai? Trách trời ư, trách đất ư, trách Nhơn-loại ư? Không, không thể trách ai được, chỉ lại trách tôi mà thôi. Tôi trách tôi là trách không tự biết mình, nhận những hình ảnh của hoàn-cảnh làm tôi, rồi đeo đuổi theo hoàn-cảnh say mê theo hoàn-cảnh, không khi nào rời rảnh mà tự xét cái tôi thế nào. đến nỗi bỏ cả cái tôi mà theo sự ưa muốn hoàn-cảnh.

Tôi không biết tôi

Tôi đã không biết tôi, đến nỗi nhận làm cái ưa muốn hoàn-cảnh làm tôi, thì muốn việc ưa muốn cũng cho là tánh của tôi: tánh tôi ưa đờn ca xướng hát, tánh tôi ưa cờ bạc rượu chè, tánh tôi ưa thế này, tánh tôi ưa cái khác, không biết bao nhiêu là tánh của tôi mà biệt ra nó chỉ là cái ưa muốn. Song đã nhận nó là tánh của tôi thì việc gì cũng theo nó, không dám trái hẳn.

Nhưng đã là tánh của tôi thì lẽ đáng tôi là ông chủ, thế mà cái tánh đó nó lại khinh rẽ tôi, nó không kể tôi là gì: tôi muốn vui mà nó cứ bắt phải buồn, tôi muốn sướng mà nó cứ bắt phải khổ, tôi muốn nghỉ mà nó cứ kéo mãi đi, làm cho tôi phải nghỉ ngơi. . . . Nghỉ nó là cái chi chi ở ngoài nhập vào để mà áp-
hế.

Mà thiệt, chẳng những tôi không được làm chủ nó mà nó lại làm chủ tôi, nó sai khiến tôi, nó bắt tôi chạy xuôi chạy ngược, lao thần tiêu tử để cho mãn

nguyên của nó ; nhưng khổn nỗi, nó quá lắm ! bề được cái này thì nó lại ưng cái khác, tôi đã hết sức thù phụng mà vẫn không vừa ý, làm cho tôi phải chán ngán, phải bức tức cho cái đời nô-lệ của tôi, đến nỗi phải tìm cách tháo củi mở lồng cho được ít phần tự tại.

Tôi biết tôi

Tôi đã có chí muốn giải thoát như vậy, nên hằng ngày chống cự với sự ư muốn : nó sai gì tôi cũng không làm, nó bảo gì tôi cũng không theo, tôi quyết tình không cho nó làm chủ ; lắm khi tôi lại làm trái hẳn với nó cho bỏ ghét. Xô qua đây lại với nhau đã lâu ngày, tôi mới vút được nó.

Thông thả một mình, nhìn lại thì nay đã khác xưa : mạnh mẽ, ngay thẳng, trong sạch, mình mình, có quyền tự-chủ chứ không còn cái thân nô-lệ nữa. Tôi biết tôi, tôi biết tôi là. . . tôi, chứ không phải đứa đầy-tớ của sự ư muốn.

CHÍNH-TỨC





DIỄN ĐÀN

✓ Chơn - bình - đẳng

(Bài giảng hôm mồng một tháng mười một, năm Bảo Đại thứ chín
(21 Novembre 1934) tại Phật-Học-Hội, chùa Từ - Quang, — Huế)

Nam-mô A-Di-Đà Phật,

Từ khi Âu-học sang qua xứ ta, lý-thuyết bình-đẳng đã tràn khắp, lắm người cho là một lý thuyết lạ lùng mới mẻ, bên Á-Đông chưa từng có. mà không hay đức Phật Thích-ca hơn 2.500 về trước đã thường dạy phép bình-đẳng, bình-đẳng viên mãn cho đến nỗi không có cái gì là không bình-đẳng, chớ không phải chệch-lệch như lý thuyết bình-đẳng của Âu-học.

Lý-thuyết bình-đẳng của Âu-học chỉ thiết hành trong một hạn người, như nói : “ Có trí-thức bình-đẳng mới được bình-đẳng ”; chỉ thiết hành ở nơi Pháp-luật, như nói : “ mọi người đều bình-đẳng dưới quyền pháp-luật ”; Rộng ra cũng chỉ thiết hành trong một giai cấp, trong một nước trong một dân tộc, trong một loài người mà thôi.

Lý-thuyết đó cũng có phần hay, nhưng còn non còn ngã, còn tham, sân, si sờ sờ, thì cái lý thuyết ấy chỉ có thể đem ra thiết hành trong lúc nó làm lợi cho mình, chớ đến khi nó tổn hại thời đã đưa lý thuyết bình-đẳng kia theo dòng nước chảy.

Trong kinh Lăng Nghiêm Phật dạy : «hề tự tâm có bình đẳng thời sự sự vật vật mới bình đẳng». Chớ nếu tự tâm còn ưa còn ghét, còn thân còn sơ, những ác-nghiệp sát, đạo, dâm, vọng không bỏ, cái vọng tưởng ích kỷ hại nhơn không chữa, thời dầu tán dương lý-thuyết bình đẳng đến đâu đi nữa, cũng chỉ bình đẳng ở ngoài lỗ miệng mà thôi. Vậy mới biết duy có cái bình đẳng trong tự tâm của đạo Phật mới là chơn bình đẳng. Cái chơn bình đẳng kia, tức là cái tánh bất-nhiên của muôn sự muôn vật, chỉ vì tâm chúng ta còn thiên-chấp nên không thấy được thể tánh bình đẳng ấy mà thôi. Vậy muốn rõ lý chơn bình đẳng, trước cần phải tiêu diệt các món thiên chấp 偏執.

Thiên chấp vẫn nhiều, nay xin kể lượt ít món là :

a) Chấp có nhơn-ngã.

Chúng ta từ khi oa oa ba tiếng đã chấp cái thân này là mình, chấp tất cả cảnh vật bề ngoài đều không phải là mình, đã yêu riêng cái thân này hơn các thân khác thì làm sao mà bình đẳng được. Vì vậy nên Phật dạy cho biết cái thân này chỉ là ngũ-uẩn giả dối hòa hiệp tạo thành chớ không phải là thiệt có.

Nói về sắc-uẩn thì thân thể chỉ do vật chất tạo thành, vật chất tạo thành một cái hình tướng đối đãi với các hình tướng khác, nên gọi là thân thể. Xét ra cho kỹ, vật chất trong thân chúng ta thay đổi mãi mãi, lớp trước đã không phải lớp bây giờ, lớp bây giờ không phải lớp về sau, khi vào làm thân, khi ra làm cảnh, nào có chắc cái gì là thân chúng ta đều mà cho là thiệt có thân - thể. Thân-thể đã không thiệt có thời nương vào đâu mà cho là có cảm-giác, có tư-tưởng, có hành-động, có hay biết ! nhưng ngoài các món giả dối kia hòa hiệp tạo thành, muốn tìm cái chi đáng gọi là ta, thiệt không thể nào tìm được.

Cái ta đã không thiệt có, thân của ta đã không thiệt có, thì người cũng không thiệt có, thân của người cũng không thiệt có, cho đến tất cả chúng sanh cũng đều

không thiết có cả. Chúng sanh đều không thiết có, mới thiết là bình đẳng.

b) Chấp có năng-tạo sở-tạo

Lại có người chấp rằng toàn cả vũ-trụ do Tạo-hóa sanh ra và tin rằng Tạo-hóa rất tôn-quí, nếu đem ra so sánh với người thì thân người không khác gì tro mac, thế là không bình đẳng. Vì vậy nên Phật dạy phép tứ bất sanh là : bất tự sanh, bất tha sanh, bất cộng sanh, bất vô-nhơn sanh và chỉ rõ muôn sự muôn vật dầu thân người, dầu hoàn-cảnh cũng đều do nhơn duyên giả dối hội hiệp nên in tuồng là có. Nhơn duyên giả dối gây ra nhơn, nhơn duyên giả dối tạo ra quả; thấy thấy đều vì nhơn duyên giả dối tạo thành thì mới thiết là bình-đẳng.

c) Chấp có chủng loại riêng khác

Chúng sanh theo nghiệp duyên sanh ra, bình dạng có khác, trí-huệ có khác; trong một loài người, tùy theo khí hân, tùy theo phong-tục, tùy theo học thức, kẻ yếu người mạnh, kẻ giàu người nghèo, kẻ đen người trắng khác nhau; nhơn độ mà có người cổ chấp chủng-loại của mình mà không chịu thân thiện với chủng loại khác, thế là không bình-đẳng. Vì vậy nên Phật dạy lý tam-giới duy-tâm, nghĩa là dầu cõi trời, dầu loài người, dầu địa-ngục, dầu ngạ quỷ, dầu có lông có cánh, dầu có sừng có gạc, xét ra chỉ là một tâm mà thôi; một tâm tùy nghiệp biến ra các duyên, các duyên giả dối hiệp lại thành ra thân này thân khác, cảnh giới này cảnh giới khác. thiết ra cũng không ngoài một tâm. Thấy thấy đều duy-tâm mới thiết là bình-đẳng.

d) Chấp có trí ngu

Lại có người chấp rằng tư chất có kẻ hơn người kém, người thì thông minh khôn khéo, kẻ thì u mê đần độn, rồi mặc sức tranh nhau những giả danh nào là thượng lưu nhân vật, nào là tuần kiệt anh tài, thế là không bình đẳng.

Đạo Phật thì khác, Phật dạy : « tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh » tuy vì nghiệp nhơn đời trước gây ra những quả báo khác nhau, nhưng cái khác đó chỉ là cái khác trong vòng huyền hóa, thiệt ra ai ai cũng có Phật-tánh, trí-tuệ sáng suốt như nhau, thế mới thiệt là bình-đẳng.

e) Chấp có mạng số.

Có người lại chấp rằng việc gì ở trong đời cũng do nơi mạng số ; làm quan vì có mạng làm quan, làm giàu vì có số làm giàu, thành ra chỉ nhắm mắt đưa chân mà không biết tự tu tự tỉnh. Rồi người giàu sang ý nơi số mạng của mình mà không biết làm duyên làm phước ; người nghèo hèn trách nơi số mạng của mình mà không biết dùi dũa làm lành : ai nấy đều không biết bước thêm một bước trên con đường tấn-hóa. Chấp có số mạng khác nhau, thế là không bình-đẳng. Giáo-pháp của Phật thì bát lý-thuyết số mạng và dạy rằng : diệp dụng của tự tâm vẫn theo nhơn quả : có nhơn lành thì đời đặng quả vui, có nhơn dữ thì đời chịu quả khổ chớ không có số mạng. Vậy nên ai ai đều có quyền tự chủ, ai ai đều chịu hoàn toàn trách nhiệm về những việc mình làm, hễ cải tạo được tự-tâm là cải tạo cả hoàn-cảnh chớ không có cái gì nhất định. Nhơn do tự tâm làm, quả do tự tâm chịu, nhơn nào quả nấy, thế mới thiệt là bình-đẳng.

f) Chấp có trước sau.

Người trong đời vì không biết là vọng tưởng nên chấp có trước có sau, có đời xưa, có đời nay, rồi phe tôn-cồ thời cho rằng đời xưa hay, đời nay dở, phe tân-tiến thời cho rằng đời xưa hủ-lậu, đời nay văn-minh, thế là không bình-đẳng. Đạo Phật thì khác, đạo Phật dạy rằng toàn thể pháp-giới vẫn là thường-trụ, vẫn không sanh diệt, thời-gian chỉ là những vị-trí giả dối do vọng-tâm vọng-cảnh duy trì với nhau mà tạo thành chớ không phải thiệt có. Đến khi rõ được cái tâm thường trụ rồi thời xưa nay như một, không có quá-khứ, không có vị-lai, một nháy mắt tức là muôn ngàn kiếp, muôn

ngàn kiếp tức là một nháy mắt, thế mới thiệt là bình đẳng.

g) Chập có muôn vật

Có người lại chấp rằng muôn vật là thiệt có rồi vật gì hiệp ý thời ra và sanh ra lòng tham-cầu; tham-cầu được thì kiêu cần, tham-cầu không được thì tức giận, bị các phiền-não trôi buộc, gây ra các nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, thế là không bình đẳng. Đạo Phật thì dạy vạn pháp duy thực, nghĩa là duy một tánh biết; một tánh biết tạo ra có ngũ căn, nương theo ngũ căn mà có ngũ trần, ngoài ngũ trần ra thời không còn chi đáng gọi là vạn vật. Theo phép duy thực thời chẳng những các tánh thấy, nghe, biết, suy nghĩ tìm xét là duy-thực, cho đến sự sự vật vật dầu xa dầu gần dầu xưa dầu nay, cũng đều là duy-thực; thế mới thiệt là bình đẳng.

h) Chập các phép xuất-thế-gian là thiệt có

Có người rõ biết muôn sự muôn vật trong thế gian là không thiệt có mà lại cho rằng: các phép xuất thế gian là thiệt có, thế cũng không phải là bình đẳng.

Phật pháp thì khác. Phật dạy phiền não tức Bồ-đề, chúng sanh tức Phật, không phải ngoài sanh diệt mà có thường trụ, không phải ngoài thế-gian mà có Phật pháp.

Kinh Kim Cang nói: «Thi pháp bình đẳng vô hữu cao hạ» 是法平等無有高下; nghĩa là: « cái ấy bình đẳng không có cao thấp » Mà bình đẳng thiệt! Sắc với không bình đẳng, chơn với vọng bình đẳng, hữu tình với vô tình bình đẳng, Phật với chúng sanh bình đẳng, cho đến bình đẳng với bất bình đẳng cũng bình đẳng; bình đẳng như vậy mới thiệt là bình đẳng.

* *

Phép bình đẳng của Phật rộng lớn như kia, cho nên giáo pháp của Phật khi nào cũng hiện ra cái tinh thần bình đẳng.

Xin kể mười chỗ như sau này :

1.) Giáo pháp của Phật đối với sự hạnh phúc bình đẳng của nhơn loại.

Phật thấy chúng sanh mê muội say đắm trong cảnh vô thường, hiếp nhau, giết nhau, lừa nhau, gạt nhau, gây ra nghiệp dữ mà phải chịu trăm bề khổ sở rất đáng thương xót, nên Phật dạy phải giữ năm giới : bắt sát sanh, bắt thâu đạo, bắt tà dâm, bắt vọng ngữ, bắt ẩm tửu, để cho ai ai cũng bớt đều dục vọng, tỉnh giấc mê-lầm, để cho thư thái cái tâm trí của người đời ra, khỏi bó chặt vào thân vào cảnh mà gây nghiệp khổ sở đời đời kiếp kiếp.

Phật lại thấy chúng sanh theo tham sân si gây ra nghiệp dữ, về sau phải chịu quả báo, nên dạy phép thập thiện để cho chúng sanh biết tu những điều lành nào là bố-thí, phóng sanh, nhần nhục, tri huệ, vãn vãn, đặng về sau hưởng phước báo lâu dài, khỏi dọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Nếu một người tin theo Phật, giữ ngũ-giới làm thập thiện thì người ấy chắc là một người lành, mọi người đều giữ ngũ giới, làm thập-thiện thì cả thế-giới toàn là người lành : mọi người đều lành thì tương lai mới có thể trông mong thế giới này trở thành thế-giới hòa bình được.

Xem như vậy thì biết đạo Phật không phải là một đạo yếm-thế. Đạo Phật rất cần yếu cho nhơn-loại, cần yếu cho đời, cần-yếu cho thế-giới. Nếu ai ai cũng theo đạo Phật, cũng giữ ngũ giới, cũng làm thập thiện thì chẳng những không lẫn hiếp nhau, không lừa gạt nhau mà lại còn thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, rồi hạnh-phúc bình-đẳng của nhơn loại mới chắc có ngày thiết hiện.

2.) Phật-pháp bình đẳng với việc đời

Kinh Pháp-Hoa nói : « Trong thế-gian, dầu việc ăn làm, khoa ngôn-ngữ, lối chánh-trị đều là Phật pháp cả ». Tất cả sự vật của thế-gian đều là Phật pháp, thôi đủ biết Phật pháp thiết rất bình-đẳng với việc đời vậy. Nói về lý thời thế-gian

chấp thiết là Phật-pháp. Nhưng về sự, thì những lời nói
lời nói trá, làm cần làm quấy, không thể cho là hiệp Phật
pháp được; trái lại, nếu người giàu biết thương kẻ nghèo,
người trên biết thương kẻ dưới, ai ai cũng biết trung thành
hiếu kính, đem đều hay lẽ phải mà dạy đời dặng dắt diu nhau
lên con đường hạnh-phúc, thời chính là Phật pháp đó rồi,
còn tìm đâu xa nữa. Và chẳng chúng sanh sẵn có Phật
tánh, chỉ vì không tự biết, mê theo các món mê lầm, gây
nhiều chúng sanh trong tự-tâm rồi chịu quả chúng sanh
trong tự-tâm; nhưng tuy xây vắn trong ba cõi sáu đường mà
tâm vẫn là tâm, vẫn chẳng khác gì tâm tanh của chư Phật.
Nếu chúng sanh rõ biết Phật pháp, không mê theo những
lần tưởng giả dối và chỉ hành động theo tánh chơn thiệt
của tâm mình, thời dầu hằng ngày gánh nước một củi,
buôn bán cấy cày, làm những việc thế gian mà cũng không
khi nào rời Phật pháp cả.

3.) Phương-tiện bình-dẳng của Phật giáo

Kinh Hoa-Nghiêm nói : « Các bậc Bồ Tát, từ ngũ địa trở
lên, thường tùy thuận theo chúng sanh mà hóa-độ, cũng
lặn lội theo đời, hoặc làm thuốc, hoặc làm quan, hoặc làm
dân bà con gái, làm thợ làm thuyền, làm nghề buôn
bán, vân vân, không một việc gì là không làm, thậm chí
làm người bán thịt, người đi săn đi bắn mà hóa độ chúng
sanh nữa ».

Đời nhà Đường có một người con gái tên là Quỳnh-Liên
ở xứ Hiện-Hữu, tài sắc hơn người mà bình nhật rất sùng
thượng đạo Phật; cha mẹ quý như vàng như ngọc, việc gì
cũng chịu theo ý muốn nàng cả. Khi ấy làm người danh-giá
từ-đệ ước hỏi nàng, thời nàng chỉ ước một chuyện là được
người chồng học thông kinh Di-Đà mà thôi. Nàng vừa ước
mà trong một tháng đã có mấy trăm người đến nhà, đều
học thuộc kinh Di-Đà từ đầu đến cuối, không sót một chữ.
Khi cha mẹ nàng hỏi nàng ưng ai thì nàng lại thưa : « Bản
nguyên của con có chừng ấy thôi, ngặt vì không lẽ một
mình con lấy đến mấy trăm người chồng, vậy xin cha mẹ nói
lại cho mấy người ấy biết : nếu trong ba tháng, ai tụng thuộc
bộ kinh Pháp-Hoa thời con chịu làm vợ ». Hết ba tháng đã

có hơn trăm người thuộc : Nàng lại viện lẽ không thể lấy nhiều chồng mà bảo học kinh khác, lần lần đến kinh cuối cùng, thời duy có Mã-Sanh học thuộc. Mã-Sanh học thuộc tướng chắc đã được vợ rồi, nào dễ nàng làm bệnh ngặt nghèo không mấy ngày đã tạ thế. Mã-Sinh đau đớn, thường ngày ra ôm mả mà khóc người vợ chưa cưới. Vừa đó có ông thầy du-phương đến bảo Mã-Sanh rằng : « Anh khác làm chi, đó là ngài Quán-Thế-Âm thấy trong thế gian ít người học kinh, nên thị hiện làm thân con gái, để cho các anh kết duyên với Phật pháp, chớ ngài có phải chết thiệt đau mà anh phải khóc cho ướng nước mắt. Anh không tin cho người thăm mả thì biết ». Mã-Sanh về nhà nói lại, thì ai cũng nghi hoặc; cho người thăm mả, quả nhiên chỉ thấy xương thịt kết từ đoạn từ đoạn như thoi vàng mà thôi. Mã-Sanh chứng ấy tỉnh ngộ, thế phát xuất gia, và sau cũng chứng đạo.

Thưa các ngài, lối thị hiện của chư Phật huyền bí vô cùng, không thể đem phẩm tính mà ước đoán được, nhưng nếu rõ được chánh lý, phát tín tâm chắc chắn thời sẽ biết thần thông diệu dụng của chư Phật là lẽ tất nhiên, không khi nào còn nghi ngờ được nữa.

Phương pháp độ sanh của chư Phật thiệt rất huyền bí, chẳng những hiện thân hóa độ mà thôi.

Kinh Pháp Hoa nói : « Như có một người gặp việc hiểm nghèo, trong khi sợ hãi, la một tiếng « Nam-mô-Phật », thời người ấy đã thành Phật đạo ».

Vậy mới biết tất cả các pháp trong thế gian đều là phương tiện độ sanh của chư Phật. Xưa có câu : « Thiệt tế lý địa bất thọ nhất trần, Phật sự môn trung bất xả nhất pháp ; các vị Bồ Tát như hoa sen ở nơi bùn mà không bao giờ dính bùn ; nhưng tuy không dính một mảy trần mà trong lối theo cơ cảm hóa độ chúng sanh, thiệt không bỏ một pháp nào cả. Thế mới biết phương tiện độ sanh của Phật giáo rất bình đẳng.

4.) Phật tánh bình đẳng

Kinh Niết-Bàn nói : « Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ». Chúng ta thật có Phật tánh mà không tự biết nên cứ

hấp theo cái thân giả dối này và chấp theo những vọng-
tưởng giả danh trong cảnh giới chúng sanh mãi mãi.
Nhưng không phải vì chúng ta hiện làm chúng sanh mà nhất
lịnh đời đời kiếp kiếp cũng làm chúng sanh đâu. Vì như
có người hiện đương đốt nạt lại tưởng rằng đời đời kiếp
giếp tất phải đốt nạt, không bao giờ biết chữ, rồi không
thịu gắng công học hành suy xét nghĩa lý cho tri-thức mỗi
lời mỗi mở rộng thêm ra, thời biết bao giờ hóa thành
người hay chữ. Chúng ta cũng vậy, chúng ta cứ nghĩ
là mình là tánh chúng sinh, quanh quẩn trong phạm-vi
bất hẹp mà không chịu trau dồi thêm lên, thời biết bao
giờ cho được tri-huệ của Phật. Trái lại, nếu chúng ta biết
hàm-học kinh điển, hiểu rõ nghĩa lý, xa lìa nghiệp chướng
lưu trừ phiền não, dứt sạch những nguồn-gốc hư-vọng vô-
hỉ, thời cái tâm bản lai từ-bi tri-huệ như-như bình-đẳng
phải hiện ra minh-bạch. Tâm như-như bình-đẳng đã hiện
thời không còn phân biệt trí, ngu, thượng, hạ, chơn, vọng,
 hữu, vô chi cả, và mới rõ Phật với chúng - sanh như
nhau không khác. Ấy là Phật-tính bình đẳng của đạo
Phật.

5-) Hóa độ bình đẳng

Lối giáo-hóa của thế gian chỉ lấy Nhơn loại làm giới
tận, mà trong Nhơn loại lại còn chia ra nhiều bậc, bất
nước phải có tu-cách này, tư-cách khác, phải tin suông
tiệc này việc nọ, rồi mới cho thụ-giáo.

Đạo Phật thì khác hẳn, đạo Phật không phân biệt tư-
cách, không bắt tin càn, không bắt thờ phụng một vị thần
nào cả; đạo Phật chỉ khai thị pháp-tánh để cho ai ai cũng
biết mà tu tập. Pháp-tánh lại bao hàm cả vạn sự vạn vật,
Phật cũng có mà chúng sanh cũng có, loài người có mà
thực vật cũng có, sự gì vật gì, hữu vô hình hữu hữu hình,
lầu vô tình, lầu hữu tình đều có pháp-tánh cả.

Kinh Kim - Cang nói : « Dầu loài noãn - sanh, dầu
oài thai sanh, dầu loài thấp sanh, dầu loài hóa sanh,
oài có sắc, loài không sắc, loài có tướng, loài không
tướng, vân vân, cho đến vô lượng vô số vô biên chúng sanh,

ta đều khiến vào Vô Đur Niết-Bàn mà diệt độ cả ». Vậy mới biết Phật giáo hóa độ bình-dẳng không có chệch lệch, không một loài nào, không một vật nào dầu lành dầu dữ, dầu ngu dầu trí, là không nhờ ơn hóa độ. Ấy là phương pháp hóa độ bình-dẳng của đạo Phật.

6.) Tự tha bình-dẳng

Tiểu-thừa của Phật pháp tuy có phần chú-trọng về lối tự-lợi, đến như đại-thừa Phật pháp thì khi nào cũng nêu bốn câu tứ hoằng thệ nguyện làm mục-đích, nhận tất cả chúng sanh là mình, mình là tất cả chúng sanh ; chúng sanh ngộ tức là mình ngộ, chúng sanh chứng tức là mình chứng, ngoài chúng sanh ra không thấy có mình, ngoài mình ra không thấy có chúng sanh, ấy mới thiệt là tự tha bình-dẳng.

Trong bốn câu thệ-nguyện rộng lớn ấy, câu thứ nhất là : « Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ », nghĩa là thệ nguyện độ tất cả chúng sanh vô biên vô số đồng ra khỏi luân hồi.

Câu thứ hai là : « Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn », nghĩa là thệ nguyện dứt trừ tất cả phiền-não không thể kể xiết ; nếu còn một chút vi-tế vô-minh, cũng quyết chỉ trừ cho thiệt hết.

Câu thứ ba là : « Pháp-môn vô lượng thệ nguyện học », nghĩa là thệ nguyện học tất cả các phép tu hành của đạo Phật đặng chỉ vẽ đường tu cho tất cả chúng sanh.

Câu thứ tư là : « Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành ». Phật là bậc tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn : các bậc đại-thừa cầu đặng giác-hạnh viên mãn đề tự tại hóa độ chúng sanh, nên thệ nguyện thành Phật đạo vô-thượng.

Các bậc đại-thừa nương theo bốn lời hoằng thệ mà tu phép lục độ : Tu bố-thì đề độ xan-tham, tu tri-giới đề độ bủi-phạm, tu nhần-nhục đề độ sân-nhuế, tu tinh-tấn đề độ giải-dải, tu thuyền-dịnh đề độ tán-loạn,

tu trí-huệ để độ ngu si ; tuy độ tất cả chúng sanh mà không thấy mình độ sanh và không thấy có một chúng sanh nào nhờ mình độ cả ; ấy là tự tha bình đẳng của đại-thừa Phật-giáo.

7.) Đại-hùng bình đẳng

Đại-hùng của thế-gian chỉ là cầm giáo múa gươm đánh đông dẹp bắc, miệng hét chân đạp, dữ tợn hung, hăng, chỉ bày những tướng bề ngoài cho thiên-hạ sợ, chớ bề trong thì mặc sức cho tham, sân, si nó sai khiến, không còn chút gì tự-chủ cả.

Đại-hùng của Phật pháp thì khác. Đạo Phật chỉ lấy cái sức đại-nhân-nại, đại-tinh-tấn tiêu sạch tất cả phiền-não chướng ngại, xô dẹp tất cả ác-kiến tà-thuyết đảng diu dặc chúng sanh đồng chứng đạo vô thượng bồ-đề của chư Phật, dầu rải thân như mây trần trong đường địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh cũng không từ chối ; ấy là đại-hùng bình-đẳng của đạo Phật.

8.) Đại-trí bình-đẳng

Trong thế-gian, các món văn-hóa học-thuật đều là thiên chấp ý-kiến của mình, dầu có cao-đàm diệu-luận đi nữa cũng không ra ngoài vọng tưởng phân biệt.

Phật pháp dựng ra đệ-bát-thức và dạy rằng : tất cả muôn sự muôn vật đều do đệ-bát-thức biến hiện ; vô-thĩ vô-thĩ, đệ-bát-thức trùm chứa các hột giống lành và dữ ; hễ tăng trưởng hột giống mê lầm thì mắc vòng phiền-não và hóa thành phàm-phu, hễ tăng trưởng hột giống giác-ngộ thì chứng được chánh-trí và hóa thành chư Phật.

Chư Phật và phàm-phu đồng là đệ-bát-thức biến hiện, nên phàm tình tuy hư vọng phân biệt mà thiệt ra chưa hề phân biệt, chánh-trí tuy không phân biệt, nhưng thiệt ra cũng không hề là không phân biệt. Chánh-trí như như bình-đẳng ra ngoài phạm-vi của các món nhứt, dị, hữu, vô, cụ, bất cụ, phi hữu, phi

vô, thường, vô thường, mà vẫn lặng soi khắp cả pháp-giới, ấy là đại trí bình đẳng của đạo Phật.

9.) Đại-bi bình đẳng

Luân-lý đời xưa nói việc làm nhơn, nhưng chỉ làm nhơn trong một dân tộc, ngày nay nói quốc gia chủ nghĩa, xã-hội chủ nghĩa: cũng chỉ cứu-tế trong một nước; một nhơn-quần mà thôi. Huống nữa ngã chấp chưa trừ, tư-tâm chưa dứt thời bề ngoài tuyên dương là làm lợi cho người, nhưng bề trong thiệt ra vẫn ôm ấp cái lòng tư lợi.

Phật-pháp thì khác, Phật pháp thì nói rõ nhơn quả và cho biết rằng hiện tiền tất cả chúng sanh trong 25 cõi đều là bà con ruột thịt của mình đời trước. Huống chi chúng sanh toàn là tâm mình, tâm mình là tất cả chúng sanh; trong cái tâm kia vẫn không có các tướng già đối ngã, nhơn, bỉ, thử. Vì vậy nên chỉ thấy chúng sanh đọa vào tam đồ cũng như bà con đọa vào tam đồ; thấy chúng sanh mắc tai mắc nạn cũng như mình mắc tai mắc nạn, phát lòng đại bi rộng lớn, cứu độ tất cả chúng sanh khỏi khổ, chẳng những không phân biệt quốc gia, xã hội, thế giới, mà cũng không hạn một Phật sát nào một thời kỳ nào cùng ba đời khắp mười phương phương tiện cứu độ tất cả chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh đều xê lìa các sự khổ và dặng cái vui rất ráo vừng chắc ấy là đại bi bình đẳng của đạo Phật.

10.) Đại nguyện bình đẳng

Chí nguyện của người đời dầu cho thanh cao cũng không ngoài: lập đức, lập công, lập ngôn trong một đời, cho nên dầu hay gỏi đến đâu cũng khó bề được hiệu quả lâu dài chắc chắn.

Phật-pháp thì khác, Phật-pháp chỉ rõ tự-tâm trùm khắp pháp-giới, một niệm với ngàn vạn kiếp không khác, trước một niệm đến ngàn vạn kiếp, thấu ngàn vạn kiếp về nơi một niệm là diệu dụng bản nhiên, nên có chí-nguyện rộng

lớn, không cuộc vào không-gian và thời gian, tu hành đến tam A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật-quả cũng không thối thác. Đến khi chúng quả Phật rồi lại thường hiện thân vô số, phương tiện độ tất cả chúng sanh tột vô lượng vô số kiếp, nhưng cũng không ngoài một niệm, nên không khi nào có mỗi mội. Xem như ngài Địa - tạng Bồ-Tát phát lời thệ nguyện : « Địa-ngục vị không, thệ bất thành Phật », thì mới biết chí nguyện độ sanh của đạo Phật là bình-đẳng, vượt ra khỏi thời gian, không-gian, và không nề gì kẻ dữ người lành, kẻ ngu người trí.

..

Thưa các ngài, phép bình đẳng của đạo Phật rộng lớn vô cùng vô tận, mười món nói trên cũng như giọt nước trong biển cả, thiết không thấm vào đâu. Ước gì ai ai cũng nhận rõ cái tánh chơn - bình - đẳng ấy, cũng thiết hành theo tánh chơn bình-đẳng ấy, cùng thuận theo tánh bình-đẳng mà dứt trừ phiền-não, dẹp các tư-lâm tà kiến, thì thế-giới ngũ trược này chắc một ngày kia cũng hóa thành thế-giới cực-lạc.

Xưa có câu : « Hữu ư trung tất hình ư ngoại ». nếu tư tâm không bình - đẳng thời dầu bề ngoài giảng nói bình đẳng đến đâu, tham cầu bình-đẳng đến đâu cũng không bao giờ ra khỏi phạm - vi của cái bất-bình-đẳng và đạt tới mục-dích.

Á-Đông chúng ta sẵn có cái tinh - thần bình - đẳng quý báu như vậy, chúng ta nên tham - học cái bình-đẳng ấy, nên tu tập cái bình-đẳng ấy, đem tâm bình - đẳng ra mà khoách-trương khoa-học, triết học, mà cải lương phong-tục, cải lương tâm tánh của loài người, thời cảnh-tượng thế-giới hòa-bình mới chắc có ngày thực-hiện.

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Vạn-Phúc, CHÍNH - TỨC giảng



DIỄN ĐÀN

✓ PHẬT.

(Bài giảng hôm mồng một tháng chạp, năm Bảo Đại thứ tám. (15 Janvier 1934) tại Phật-Học-Hội, chùa Từ-Quang — Huế)

Nam-mô A-di-đà Phật,

Trong kỳ giảng Tam-Quy Ngũ-Giới cũng đã nói đến Phật, Pháp, Tăng, tam-bảo ; nhưng nghĩa chữ Phật rất cao xa rộng lớn, giảng chung trong một kỳ thời không thể bao quát được, nên kỳ hôm nay tôi xin giảng riêng về nghĩa chữ Phật.

Đức Phật Thích-Ca ra đời, thuyết-pháp 49 năm, nói tam thừa, ngũ giáo, đầu quyển đầu thiết, đầu tiêm đầu đốn, đầu biệt đầu viên, đầu bán-tự đầu mãn-tự, thiết ra cũng chỉ dạy một việc là dạy cho chúng sanh tự biết Phật-tánh mà thôi.

Chữ Phật, nói đủ tiếng Phạn là Phật-đà, nghĩa là giác. Giác đối với mê mà nói : ví như người đương ngủ không biết việc gì thì gọi là mê, đến khi tỉnh dậy thì gọi là giác. Phật với chúng sanh cũng vậy ; chúng sanh không tự biết tâm mình là chi, cứ say mê trong trường huyền mộng, sống rồi chết, chết rồi sống, đời đời kiếp kiếp không biết tự-tỉnh, nên gọi là mê. Phật dứt hết các phiền-não, trừ hết sự mê lầm, chứng được chơn-tánh bất sanh bất diệt bản-lai thanh-tịnh nên gọi là ngộ.

Tôi nói như vậy là chỉ mượn lời nói để gương cái nghĩa chữ Phật, đặt các ngài mừng tượng Phật là chi đó thôi, thiết ra không khi nào đem lời nói của chúng sanh là lời nói trong vòng hẹp-hòi mà chỉ rõ nghĩa chữ Phật choặng. Kinh Pháp-Hoa có câu : « Thị pháp bất khả thị, ngôn từ tướng tịch diệt ». Lời nói

là đối đãi, trong chỗ ấy lời nói cũng không còn, làm sao đem lời nói mà nói chỗ ấy cho được. Vì vậy nên cổ nhân có câu : « Lý viên ngôn thiện, ngôn sanh lý tán » ; đem lời nói nói chệch-lệch mà nói viên-lý thì bề có nói ra đã không phải thiệt là viên-lý. Nghĩa chữ Phật u-vi tuyệt-đối không phải lấy lời nói, lấy trí suy nghĩ mà dòm thấy đặng.

Nghĩa chữ Phật tuy không thể phò bày, nhưng nếu không mượn lời nói, chỉ mượn tượng nghĩa chữ Phật thì còn ai biết Phật là chi mà tu cho thành Phật. Vì vậy nên đức Phật Thích-Ca thuyết-pháp trong 49 năm, tùy theo cơ cảm mà chỉ dạy, phá trừ lòng mê chấp của chúng-sanh, đặng cho chúng-sanh chứng đặng Phật tánh. Cũng vì vậy mà hôm nay tôi xin giảng giải ít lời về nghĩa chữ Phật, trông mong các ngài đem tâm ra ngoài vòng đối đãi đặng tự nhận lấy Phật-tánh. Nhận được hay không nhận được là tự nơi các ngài, chứ lời nói tôi hôm nay là lời nói mượn tượng, thiệt chưa khi nào chỉ được Phật-tánh cả.

Song chỉ Phật-tánh thì không thể chỉ, mà chỉ cái mê chấp của chúng sanh thời dễ chỉ lắm. Kinh có câu : « Giác mê mê diệt », hề biết được cái mê mà không mê thời hết mê ; cái tánh hết mê đó là Bồ-Đề, là Phật-tánh chứ không phải tìm đâu xa nữa.

Vì sao gọi là mê ? Thưa các ngài, trong vũ-trụ này, hề vật nào có tri-giác cũng trông mong cho được thường-trụ, cho được an vui, cho được tự-chủ, cho được thanh-tĩnh. Lòng trông mong như vậy mà ngó lại ở giữa đời, thân-thể mỗi ngày mỗi thay đổi, không có chi đáng gọi là thường-trụ ; khi đói khi khát, khi nóng khi lạnh, khi đau khi ốm, khi già, khi chết, không có chi đáng gọi là an vui ; thấy sắc đẹp thời ưa, nghe chưởi rủa thời giận, không có chi đáng gọi là tự-chủ ; thất-tình lục-dục đầy nhảy trong tâm trí, ra làm việc gì cũng lo phần mình trước, không có chi đáng gọi là thanh-tĩnh. Thế mà chúng sanh không biết, ôm cái thân đầy cả nghiệp chướng mà cho là thanh-tĩnh.

ôm cái cảnh vọng-tâm giả dối tạo thành mà cho là thiệt, để cho nó sai khiến mình, mất cả quyền tự-chủ; ôm cái tâm luẩn đốn, giận rồi thương, ưa rồi ghét, mừng rồi sợ, buồn rồi vui; thay đổi mãi mãi mà cho là thường-trụ; ôm những món cảm-xúc nó đã làm cho nát ruột cháy gan mà cũng cho là hạnh-phúc, là vui sướng.

Chúng sanh nhận lầm như vậy, chịu khổ nhiều đời nhiều kiếp không tự biết, nên Phật gọi là mê. Phật giác-ngộ bỏ được các điều mê ấy nên thường-trụ, nên an vui, nên tự-chủ, nên thanh-tĩnh. Ngộ là Phật, mê là chúng-sanh; chúng sanh mê là mê cái giác-ngộ của Phật, Phật giác-ngộ là giác-ngộ cái mê của chúng sanh; nhưng hễ có mê thì vô-thường, thì khổ, thì không được tự chủ, thì ô-nhiễm, cho nên chúng ta phải học Phật, chúng ta phải nhận nghĩa chữ Phật đặng lần lần tu tập cho hết mê lầm, cho tự biết tâm tánh và thành Phật đạo.

Vì chúng sanh say mê không tự biết tâm mình nên trong một thể duy-tâm thấy có thân có cảnh có ngã có nhơn, rồi gây nghiệp chúng sanh và phải chịu quả chúng sanh lâu đời lâu kiếp. Kinh Lăng-Nghiêm có câu «Hối muội vi không, không hối ám trung, kiết ám vi sắc, sắc tập vọng-tướng, tướng tướng vi thân, tụ duyên nội diệu, thù ngoại bốn dật, hôn nhiều nhiều tướng, dĩ vi tâm-tánh». Chúng ta thử nghĩ, nếu chúng ta không phân-biệt thì cảnh-giới nào có sai khác chi đâu; chỉ vì mê không biết bản thể của tự-tâm, nhận cái năng-tri là tâm mình nên ở nơi cảnh-giới không sai khác, lại khi niệm ra mà phân biệt. Thường khi khi-niệm, trong sát-na ban đầu, tâm-niệm tuy duyên với cảnh nhưng chưa phân-biệt; đến sát-na thứ hai thời đã giả dối phân biệt các tướng, nào vô-hình, nào hữu-hình, nào thân, nào cảnh; nhận thân là mình, nhận cảnh là ngoại-vật, tuần duyên với cảnh, cảnh duyên với thân, rồi nhận cái vọng-tướng duyên với trần-cảnh làm tâm của mình; vì đó mà sanh ra các món phiền-não, nào tham, nào sân, nào si, nào ngã-kiến, vẩn vẩn và phải

chịu luân hồi sanh tử. Nếu như đương khi khi-niệm liền biết là duy-tâm biến hiện, thì người với mình, thân với cảnh đều là tâm, tuy in tưởng có sai khác mà thiệt ra không có sai khác, thì chắc không còn những sự mê chấp và chứng được tâm-tánh chơn-thiệt. Cái tâm ấy vốn không sanh diệt nên thường-trụ, vốn không có các sự khổ nên an vui; vốn sẵn cái năng-lực sanh cả muôn pháp mà không pháp nào ra ngoài tâm ấy nên tự-lại; vốn không có các sự mê-làm phiền-não nên thanh-tịnh. Tâm-tánh chúng ta hiện nay vẫn như vậy, dầu tu hay không tu, dầu chứng hay không chứng, tâm-tánh ấy cũng không bao giờ thay đổi. Tâm-tánh ấy vẫn sẵn sàng, vẫn không thay đổi cho nên tu theo đạo Phật là tu cho hết các sự mê nó làm cho chúng ta không rõ tâm-tánh đó thôi.

Tất cả chúng sanh ai cũng có tâm tánh như Phật, ai cũng có Phật-tánh, chỉ sự mê lầm nhiều ít khác nhau, nên ngài Thiên-Thai Trí-Giả có chia ra cái nghĩa « lục tức Phật » như sau này :

1.) Lý tức Phật

Lý tức Phật, nghĩa là : Ý như chơn-lý thì chúng sanh tức là Phật. Phật với chúng sanh là hai phép đối đãi, làm sao chúng sanh lại tức là Phật? Đó là vì chúng sanh sẵn có Phật-tánh không bao giờ thêm bớt. Trong nhứt dụng của chúng sanh, Phật-tánh thường hiển lộ ra, chỉ vì chúng sanh mê muội không tự biết đó thôi. Nhưng cái mê của chúng sanh không phải thiệt có, chúng sanh dầu chấp có ngã mà chưa hề thiệt có cái gì đáng gọi là ngã, chúng sanh dầu chấp có pháp mà chưa hề thiệt có cái gì đáng gọi là pháp. Không có ngã thời lấy chi mà sống chết, không có pháp thời lấy chi mà sai khác; cho nên y theo chơn-lý mà nói thời dầu chúng sanh giả-dối có sống chết, nhưng thiệt ra vẫn là thường-trụ, dầu trần-cảnh giả dối có thay đổi, nhưng thiệt ra vẫn là chơn-như. Thường-trụ chơn-như là Phật, cho nên chúng sanh bản-lai thiệt như Phật không khác, chỉ vì chúng sanh không tự biết đó thôi. Không tự biết nên gọi là lý tức Phật.

2.) Danh-tự tức Phật

Danh-tự tức Phật nghĩa là thành Phật nơi danh-tự. Vì chúng sanh mê không biết Phật-tánh nên các sự hành vi đều trái hẳn với Phật-tánh : người thì đeo đuổi theo những vọng-tưởng giả danh, sống say chết ngủ, không biết tu là chi, hoặc không lúc nào muốn tu cả ; kẻ thì có lòng muốn tu nhưng chỉ biết làm duyên làm phước, cầu cạnh với các vị thần, thánh cho được trường sanh, cho được giàu có chứ không hề biết chỗ mê của mình mà sửa đổi rồi cả đời tạo nghiệp vô thường, về sau lại phải chịu quả báo vô thường, rốt cuộc cũng chỉ nổi chìm trong biển khổ, rất đáng thương xót. Vì vậy nên Phật phương-tiện dạy các kinh điển, chỉ vẽ đường tu để cho chúng sanh tự biết tâm-tánh mình, tu tập cái nhơn thường-trụ dặng ra khỏi luân hồi sanh tử. Chúng sanh tu theo lời Phật dạy, hoặc tham thiền, hoặc trì chú, hoặc niệm Phật, hoặc quán-tưởng đến khi tự biết được tâm-tánh mình bản-lai không có sanh diệt, thì gọi là danh-tự tức Phật.

3.) Quán hạnh tức Phật

Đã biết bản-lai tâm-địa thì lại phải y như bản-lai tâm-địa mà tu hành dặng trừ những thói quen mê lầm vô thi vô thị : coi giàu sang như bọt nước, xem thân thể như đất cát, quyết định nhận rõ cái tánh thường-trụ chơn như, dầu đắng dầu lạt cũng ăn được, dầu nặng dầu mưa cũng chịu được, dầu chỗ nhớp chỗ nhờn cũng ở được, dầu bị đánh bị chửi cũng nhịn được, dầu hầm lửa rừng tên cũng vào được, phỏng có bạc triệu cũng quăng được, phỏng như chết liền tức thì cũng như không được, đánh cho chết cái tâm phân biệt dặng sống lại một lối sống khác. Tu hành như vậy là quán-hạnh tức Phật.

4.) Tương-tợ tức Phật.

Tâm phân biệt đã chết, cái sống sau này là cái sống rộng lớn, tâm địa sáng suốt như gương soi muôn vật

không còn gì ngăn-ngại nữa. Nhưng thiết-nghiệm còn thiếu thì đối với thiết-sự vẫn không ích gì mấy. Vì vậy nên phải thiết-hành độ sanh, chính nơi sự sự vật vật mà thực-nghiệm tự-tâm. Lúc này, tuy tự-tâm đã giải-thoát nhưng hãy còn bóng dáng của các pháp chưa thiết chứng Phật-tánh, nên gọi là tương-lợ tức Phật.

5.) Phần chứng tức Phật

Đến bậc này thì muôn vật một thể với mình, pháp-giới một tánh với mình, thân thể như bọt nước giữa biển mà tâm thì sáng suốt như mặt trời soi cả muôn vật, đủ sức độ tất cả chúng sanh như cơn mưa lớn rưới khắp cây cỏ mà thiết không có một chúng sanh, không có một pháp nào cả.

6.) Cứu cảnh tức Phật

Cứu cảnh tức Phật thì không thấy có tâm, không thấy có vật, không thấy có tánh. Như mặt trăng lồng lồng giữa trời, hiện bóng trong các vũng nước mà không khi nào xen vào với nước ; Phật-tánh phát khởi diệu-dụng gồm đủ vô-lượng công-đức, tùy theo căn-cơ chúng-sanh mà tự-tại hiện thân hiện cảnh làm cho chúng-sanh đặng lợi ích trong đường tu tập. Đến bậc này tức là thành Phật.

..

Phật có ba thân, nhưng ba thân đều bình-đẳng bình-đẳng không sai khác.

a) háp-thân Phật.

Phương tiện mà nói thì pháp-thân Phật tức là Phật tánh, cũng là pháp-giới-tánh, không có thời-gian, không có không-gian, không có chơn có vọng, không có thiết có hư, bình-đẳng bình-đẳng, thanh-tịnh thanh-tịnh thường viên-tịch mà thường viên-chiếu, thường viên-chiếu mà thường viên-tịch, duy có thiết chứng mới tự biết, chứ không thể đem lời nói, đem tư-tưởng mà miêu-tả được.

b) Báo-thân Phật.

Phật có hai báo thân :

1.) Tự-thọ-dụng-thân là nhứt-thể-trí-trí thường hưởng pháp-lạc nơi thường-tịch-quang-độ, duy Phật với Phật mới thấy được.

2.) Tha-thọ-dụng-thân là cái tướng diệu dụng bình-đẳng của tự-giác-thành-trí, trọn đủ vô-lượng vô-lượng xứng tánh công-đức, duy các vị đại Bồ-Tát thấy được mà thôi.

c) Ứng hóa thân Phật.

Ứng hóa thân của Phật vô-lượng vô-số, nhưng có thể tóm lại làm ba hạng :

1.) Thăng-ứng-thân. Thăng ứng thân của Phật oai nghiêm trong suốt, đủ các tướng tốt, hào-quang vô-lượng, do hằng sa công-đức biến thành; các vị Bồ-Tát từ sơ-địa sắp lui cho đến các bậc nhị-thừa thành-nhơn đều thấy được.

2.) Liệt-ứng-thân. — Liệt-ứng-thân là những ứng-thân do bi nguyện của Phật theo duyên của chúng sanh hiện ra trong các loài mà giáo-hóa. Thân người của đức Thích-Ca Mâu-Ni là liệt-ứng-thân của đức Tỳ-Lu-Giá-Na Phật.

3.) Biến-hóa-thân. — Biến-hóa-thân là những thân do bi nguyện của Phật theo duyên của một chúng sanh hay một phần ít chúng sanh mà hóa hiện. Thân của đức Phật A-Di-Đà đến tiếp-dẫn những người niệm Phật là hóa-thân Phật.

Kinh Pháp-Hoa nói : « Các đức Phật vì một đại-sự nhưn duyên, xuất-hiện ra đời, nghĩa là vì khai-thị cho chúng sanh cái tri-kiến của Phật đặng cho chúng sanh giác ngộ và thiết-chứng cái tri-kiến của Phật » Tri-kiến của Phật là chi ? Tức là vô-thượng chánh-biến-giác ; Vô-thượng là tuyệt đối, không có gì hơn ; Chánh-biến-giác là biết rõ khắp cả pháp-giới một cách chơn-chánh, đúng với sự thật ; vô-thượng chánh-biến-giác tức là thiết-chứng bản-lánh và diệu-dụng của tự-tâm vậy.

Tự-tâm trùm khắp thái-hư, duyên biến đủ các pháp mà vẫn thường-tru không thay đổi; bản-tánh của tự-tâm là bình-đẳng chơn-như nhưng vẫn đủ năng lực duyên sanh các pháp; diệu-dùng của tự-tâm là tùy duyên biến hiện nhưng vẫn không rời bản-tánh chơn-như. Vậy muốn có diệu-dùng của bản-tánh thì cần phải thiết chứng bản-tánh. Bản-tánh của tự-tâm vốn không có mê chấp, không có ngã, không có pháp, không có sanh diệt, không có các món tham, sân, si, phiền não; vậy người tu hành cần phải dứt trừ phiền-não, quét sạch các món mê chấp về ngã hay về pháp, thì mới có thể thiết chứng tâm-tánh. Thiết chứng tâm-tánh rồi, mới y như tâm-tánh như-như bình-đẳng mà dụng tâm cho đến khi chỗ dụng-tâm cân xứng với bản-tánh như-như bình-đẳng, tức là thành Phật. Thành Phật rồi thời mới đủ thập-lực, tứ-vô-sở-úy, tất cả tri dụng, đức dụng, mới có thể tự tại hiện thân, hiện độ mà giáo hóa tất cả chúng sanh do tự tâm biến hiện tột vô lượng vô số kiếp, mà tự-tâm vẫn “thường lạc ngã tịnh” trong cảnh-giới thường-tịch-quang-độ. Được như vậy mới là hết mê, được như vậy mới là toàn giác. Toàn giác là Phật toàn mê là chúng sanh; nên đối với Phật thì tất cả chúng sanh đều là Phật, mà đối với chúng sanh thì ứng-thân của Phật cũng còn sanh diệt. Đó là vì chỗ dụng-tâm khác nhau nên chỗ thụ-dụng cũng khác. Song Phật cũng là tâm, chúng sanh cũng là tâm; « tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai-biệt. »

Trong xứ ta nhiều người niệm Phật, nhiều người tin ngưỡng theo Phật, nhưng ít ai thiết rõ nghĩa chữ Phật, nên sự tín-ngưỡng tri-niệm mất nhiều phần công-đức.

Bài giảng của tôi hôm nay hơi khó, trông mong các ngài đừng nghĩ là khó mà thối chí, gắng sức chín xét cho kỹ để rõ Phật là chi, thì sự tu-trì của các ngài mới được hiệu quả hoàn toàn mà công đức tín-ngưỡng tri-niệm của các ngài mới thiết là vô-biên vô-lượng.

Ý-TƯỞNG CỦA TÔI SAU KHI ĐỌC BÀI : « THANH- NIÊN NĂM 1935 » CỦA T. N. ĐĂNG TRONG BÁO T. A.

Danh ngôn : « Nghe nhiều hơn nói lắm » tôi bao giờ cũng công nhận là phải, nhưng thiết tưởng lắm khi cũng cần nói : cần nói khi thấy một sự thật bị người ta chôn lấp, một lẽ phải bị người ta phá hoại. Vậy nên tôi không nỡ làm thinh sau khi xem bài : « thanh-niên năm 1935 » của ông T. N. . .

Trong bài ấy trước ông T. N. buồn cho thanh-niên, trai thì nghiêm-ngbị đứng-dắt, gái thì e-lệ rụt-rè như các cụ già 7 80 tuổi ; sau ông T. N. lại mừng cho Thanh-niên nay đã có phần tiến-bộ, xem về sức khỏe, mạnh mẽ lại biết vui đời. Mừng nhưng ông T. N. còn lo cho thanh-niên sẽ bị cái hại mà ông cho là tầy trời, cái hại của phong-trào Phật-giáo nó cám dỗ thanh-niên, làm cho thanh-niên bỏ cái chí khí khảng-khải, cái tinh-thần quả-quyết mà bước vào cõi đời nhu-nhược. Chính chỗ này bắt tôi phải biện-luận hơn hết.

Ông T. N. buồn, rồi ông vui, rồi ông lo : toàn những mối cảm tình tha-thiết, nhưng không biết mấy người đồng bệnh như ông. Thử xem :

Ông T. N. buồn cho các cô thiếu-nữ rụt-rè, e-lệ ; những thói ấy theo ý nọ tôi cũng nên vứt quách, vì làm mất vẻ tự-nhiên, nhưng cũng không nên quá ư tự-do, vượt ra ngoài vòng lễ nghi và làm những điều thương-luân bại-lý (đây tội thiệt không có ý bảo-tồn những cổ tục không hợp thời). Ông T. N. lại còn buồn cho những cậu thanh-niên nghiêm-ngbị, đứng-dắt. Cái bệnh buồn của ông mới thiệt là khó chữa ! Không lẽ bảo các cậu thanh-niên ấy phải bỏ cái thái-độ nghiêm-ngbị, đứng-dắt kia, để theo những lối cử chỉ của trẻ con đòi bánh đòi kẹo, hay những lối hành-động của hạng công-tử-bộ ! Chỗ này quyết ít người đồng bệnh như ông.

Nhưng bây giờ ông T. N. đã vui rồi, vui vì thấy thanh niên nay có vẻ sức khỏe, mạnh mẽ, lại biết yêu đời. Muốn dẫn chứng, trong gần nửa cột báo, ông T. N. đem đọc-giải di xem những gót hồng bước một cách bạo dạn, những y phục tân-thời phấp-phới trước gió trong ngày hội của sanh-viên nào đó. Sức khỏe, mạnh mẽ để làm việc, thế mới gọi là yêu đời; chứ đề mà trang-diễm thì thật tôi không thể biểu đồng-tình ! (dầu mắt lòng những nhà hàng đóng giầy và may áo mốt).

Những cách chưng diện trang-sức mấy năm về trước, ở các nước bên Âu, Mỹ cho đến nước Trung-Hoa ở cõi Á-Đông ta, nam, nữ thanh-niên đều cực lực hô-hào, ngày ngày chỉ ganh đua theo mốt này mốt nọ. Mà nay, trừ ra những hạng phóng-dã, ăn chơi, không lo gì đến tiền-dò của quốc-gia, chủng-tộc, thanh-niên các nước họ đã tự biết cái trách-nhiệm lớn lao đối với gia-đình xã-hội, nên những cái thói nhu-nbược ấy họ đã lần hồi vứt bỏ. Thế mà ông T. N. còn muốn bắt thanh-niên nước ta uống cái cặn thuốc độc kia thì ông mới chịu vui cho !

Chỗ này ông T. N. vui mà tôi lại buồn : nhưng tôi thiệt không phải cố-dộng cho thanh-niên nên ăn mặc xơ-xài rách rưới, nên nằm co trong xó bếp dâu; tôi chỉ muốn nói rằng cách chưng diện, trau chuốt bề ngoài, đã tổn phí vô ích, lại dễ khêu gọi tình dục : cái tình dục nó đã từ xưa đến nay làm cho biết bao luân-lý suy đồi, phong-tục hủ bại !

Ông T. N. nên biết : thanh-niên là vận-mệnh của quốc-gia, là nền tảng của xã-hội. Nước giàu mạnh cũng ở nơi thanh niên, nước hèn yếu cũng ở nơi thanh-niên, trách-nhiệm của thanh-niên thật là lớn lao, không thể kể xiết. Vậy nên ai là kẻ ưu đời mãn thế, có lòng thương nhà thương nước, có lòng thương giống thương nòi, thương nhân-loại, cũng đều muốn trau dồi bồi-bổ đức-tánh cho thanh-niên, làm cho thanh-niên biết nghĩa-vụ của mình, biết hy sinh cho nonh-loại, biết đem công-tâm ra mà làm việc. Vì lẽ ấy mà lắm người yêu nước thương đời hết lòng truyền bá Phật-pháp dạy cho thanh-niên hiểu lý chơn-như của đạo Phật để dứt trừ những thói độc ác tham lam, cho

thanh-niên hiểu sự như huyền của đạo Phật, để làm những việc lợi ích cho nươn loại.

Những ai mà đã hiểu đạo Phật, thiết-hành theo đạo Phật thì không thấy có cái sống phải tham, không thấy có cái chết phải sợ ; mà đã không tham sống sợ chết thì có việc trái gì mà không bỏ nổi, việc phải gì mà không làm xong. Thế mà ông T. N. dám bảo rằng : thanh-niên đã bị Phật-giáo cảm dỗ thì không phải là thanh-niên nữa, vì họ đã bỏ cái chí khí khẳng-khải, cái tinh-thần quả-quyết mà bước vào cuộc đời nhu-nhược ! Thật ông khéo nói những lời trái ngược !

Ông T. N. chỉ trông cho thanh-niên trang-sức bề ngoài nên ông thấy phong-trào Phật-giáo đương đây nhẩy trong ba kỳ, mà ông đem lòng lo sợ : Nhưng trái lại tôi rất hy-vọng, hy-vọng cho thanh-niên nước ta có cái tinh-thần hy-sanh của đạo Phật, không nhiều thời ít để cùng nhau chung lo sự tấn-hóa của quốc gia xã-hội

Tục-ngữ có câu : « Biết thì thừa thốt không biết thì dựa cột mà nghe » nên tôi có lời thừa thốt cùng ông T. N. đây, là tôi đã biết đạo Phật không làm cho con người nhu-nhược, làm cho con người hèn-yếu, mà trái lại đạo Phật là một đạo dạy người phải có cái chí khí cương-quyết, phải có cái tinh-thần khẳng-khải, phải biết hy-sanh mà làm việc lợi ích cho kẻ khác.

Luôn tiện đây tôi xin nhắc nhở cùng những nhà ngôn-luận, ông nào muốn phê bình đạo Phật thì trước hết, ít nữa cũng phải biết đạo Phật là chi đã.

N-XUÂN-THANH



THANH-NIÊN CỦA ĐẠO PHẬT

Thanh niên là tuổi trẻ. Trẻ đối với già mà nói ; người dưới 30 tuổi còn có thể sống được nhiều năm nữa, thì gọi là thanh-niên ; người hơn 70 tuổi không còn sống được mấy năm nữa, thì gọi là già cả. Cái ý nghĩa hai chữ thanh niên đã do nơi thọ-mạng của loài người mà nói, thì cái giới-hạn của thanh-niên cũng phải theo nơi thọ-mạng của con người mà thay đổi. Phỏng như loài người biết tu như lịch đức, được cái phước-báo sống lâu đến 7, 800 năm, thì những người 200 tuổi cũng còn gọi là thanh-niên. Trái lại ; nếu người đời độc hiểm hung dữ, phải chịu cái ác-báo chỉ sống trong 20 năm, thì những kẻ 18 tuổi đã gọi là già cả. Đối với một loài người cũng vậy mà đối với cá-nhân cũng vậy, tùy theo thọ-mạng của mình dài hay ngắn mà cái thời-kỳ thanh-niên, nó cũng có dài vẫn.

Song thanh-niên cũng sống, cũng hành động, cũng tư-tưởng; vãn-niên cũng sống, cũng hành động, cũng tư-tưởng; Hai tuổi ấy tuy lớn nhỏ khác nhau nhưng cũng vẫn là mình, vậy thời-kỳ thanh-niên có cái đặc-biệt gì mà phải phân chia giới-hạn ?

Thời-kỳ thanh-niên thiết có một cái đặc-biệt nhất là tự nhận mình còn có thể sống được lâu năm. Đã tự nhận có thể sống lâu năm, nên bạn thanh-niên làm việc gì cũng có cái chí-hướng xa xôi, cũng có cái hy-vọng to tát; họ chỉ chăm lòng làm việc cho có những hiệu-quả tốt tươi về sau chớ không kể sự nhọc nhằn trong lúc hiện-tại. Họ được vậy là họ biết thời-gian còn để dành cho họ một khoản khá dài đủ cho họ thành-tựu những mục-đích khó khăn và vĩ-đại.

Thanh-niên của thế-gian là vậy, còn thanh-niên của đạo Phật là những bậc nào ?

Thanh-niên của đạo Phật là những bậc đã phát Bồ-đề-tâm, đã tự nhận cái tánh bất sanh bất diệt.

Chúng sanh không biết bản-tánh, say mê theo vọng-mường giả danh, sống cái sống hẹp hòi trong một đời, nên duy có những kẻ biết mình còn sống lâu năm mới phát được những chí-hướng xa xôi, những hy-vọng vĩ đại; nhưng xa-xuôi vĩ đại cũng chỉ hạn trong khoảng thời-gian 100 năm mà thôi. Đến như những bậc đã phát Bồ-đề-tâm, đã nhận được cái tánh bất sanh bất diệt nơi mình, thời không còn thời-gian, không còn không gian, sống một cái sống rộng lớn vô cùng vô-tận, không cuộc trong một đời, không cuộc trong một kiếp, dầu trời nghiêng đất ngã mà tánh bất sanh bất diệt ấy cũng không bao giờ thay đổi. Những người như vậy thì không lúc nào là không thanh-niên, dầu còn một hơi thở cuối cùng cũng vẫn có cái chí hướng sâu xa rộng lớn vô biên vô lượng của tâm tánh thường trụ.

Đó một chúng-sanh khỏi luân-hồi là khó, mà người đã phát Bồ-đề-tâm thì quyết chí độ tất cả chúng sanh; trừ một sự phiền-não mê-lắm là khó, mà người đã phát Bồ-đề-tâm thì quyết chí trừ tất cả các sự phiền-não mê-lắm; học một phép tu cho hoàn-toàn là khó mà người phát Bồ-đề-tâm thì quyết chí học vô-lượng pháp-môn; thành một vị Tu-đà hoàn là khó, mà người phát Bồ-đề-tâm quyết chí tu cho thành Phật.

Cái chí hướng rộng lớn như kia, đối với tâm-tri thông thường thì in tưởng là viễn-vông lắm, nhưng đối với những người thiết hiểu đạo Phật, thiết phát Bồ-đề-tâm, đã ra ngoài hạn-lượng không-gian và thời-gian của vũ-trụ thì quyết chắc đạt đến mục-đích.

Thanh-niên như vậy mới thiết là thanh-niên, vì là thanh-niên mãi mãi không già không chết.

Nguyện cho toàn-thể nhơn-loại, vô-lượng chúng-sanh đều phát Bồ-đề-tâm đồng nhập vào hạng thanh-niên của đạo Phật.

PHẬT-HỌC - HỘI SẺ LẬP GIỚI-ĐÀN CHẴNG ?

Gới-luật là nền tảng của sự tu chứng. Người tu hành không giữ giới-luật thì nghiệp dữ không thể dứt sạch ; nghiệp dữ đã còn thì dầu thuyền-dịnh cao sâu đi nữa cũng chỉ được thành Ma-vương và Ma-dân mà thôi. Giới-luật hệ trọng như vậy nên dầu là các vị Đại-bồ-Tát, ngài nào đã thị-hiện làm Tỳ-Kheo thì cũng nghiêm giữ giới luật để bảo-tồn chánh-pháp và làm khuôn phép cho toàn thể tín-đồ Phật-giáo.

Ngó lại những lối truyền giới ở xứ ta mà thương hại : ông thầy thì không rõ Phật-pháp, không giữ giới-luật, chỉ mượn những trường-kỳ mà mua cái danh hảo là Hòa-Thượng, Yết-ma, Giáo-Thọ ; học-trò thì phần nhiều chưa giữ đủ năm giới, lại lắm người chưa biết Sa-Di phải giữ những giới gì, hoặc chưa hề phát-tâm giữ một giới mà cũng cứ thọ tam-đàn cụ-túc để mua cái danh-tướng ông thầy với đời.

Vì vậy nên trong Sơn-môn thường thấy lắm điều quái dị, như các ông thầy công-nhiên có vợ có con, công-nhiên ăn mặn uống rượu, rồi cũng có người truyền pháp cho, truyền pháp để về sau được xưng là Đại-sư, chớ kỳ thiệt cũng chẳng biết pháp là chi cả. Thế rồi cũng qui-y truyền giới cho kẻ khác, dầu rằng tự mình chưa hề một phút nào qui-y tam-bảo, chưa hề giữ đủ năm giới Ưu-Bà-Tắc ; nói càng thêm đau đớn.

Song đạo Phật nào phải bắt ai cũng quyết định xuất-gia, thọ cụ-túc-giới đâu. Phật chế ra những phép tam-qui, ngũ-giới, Sa-Di-giới, Tỳ-Kheo-giới, Bồ-Tát-giới, vân vân, là cốt để cho ai tự xét mình thọ được giới nào thì hãy thọ giới ấy mà thôi. Nếu các ông thầy kia đã xét mình không thọ được giới thì cứ xả giới ra làm cư-sĩ, việc gì phải giả dối mang lốt đệ-nữ Phật, làm cho mất giá-trị của toàn-thể Tăng-già, về sau phải chịu lắm điều khổ sở trong ba đường dữ.

Muốn về sau khỏi cái hại như vậy, tín-đồ Phật-giáo phải tôn-trọng giới-luật; trong sơn-môn, các ông thầy giữ giới phải gắng giữ cho trọn vẹn: các ông thầy chớ giữ giới phải gắng mà giữ giới, hoặc không gắng giữ thì phải tự biết nghiệp-chướng nặng nề mà xin xả giới về thế-gian làm một người đi cúng, chớ quyết không làm thầy ai cả. Còn trong tín-đồ thời phải đồng-tâm hộ các ông thầy giữ giới, bảo hộ những người đã quá tự tàn và phải từ hẳn những kẻ giả dối trong họ Tăng-Già, dầu là môn-sư của mình hay là Tăng-Cang, Hộ-Thượng. Phật-giáo-dồ lại còn phải tổ-chức giới-dàn một cách nghiêm chỉnh: phải y theo luật của Phật, lựa các ông thầy truyền giới, các ông thầy thọ-giới, các cư-sĩ thọ giới để về sau ai nấy đều có thể theo địa-vị mình mà giữ giới-luật của Phật.

Phật-Học-Hội chúng tôi định chừng 4, 5 năm nữa khai một giới-dàn rất tề chỉnh để làm khuôn phép cho các giới-dàn khác. Giới-dàn ấy sẽ tổ-chức như sau đây:

1.) Về Thập-sư — Về thập-sư, chúng tôi sẽ thỉnh cử vị đại-đức trong ba kỳ thông biểu giới-luật và tinh-trì giới-luật từ khi nhập-đạo. Về ba ngài Hòa-Thượng, Yết-lại và Giáo-Thọ, chúng tôi lại còn phải y theo luật Phật thu những ngài quán thông giáo-lý, thiết liêu giải-đệ-nghĩa-để mới được.

2.) Về Ưu-Bà-Tắc giới. — Toàn-thể tín-đồ, ai biết ngũ-giới là chi thì đều có thể tình nguyện thọ giới từ một giới (nhứt phần Ưu-Bà-Tắc) cho đến năm giới (toàn phần Ưu-Bà-Tắc).

3.) Về Sa-Di giới. — Thầy nào muốn thọ Sa-D.-giới phải hiểu rõ bộ Sa-Di-luật-giải và các kinh thường tụng (Tâm kinh, A-Di-Đà kinh, vân vân), phải ở trước thập-giảng giải nghĩa lý đành rành không lăm, rồi mới được thọ giới.

4.) Về Danh-tự Bồ-Tát giới. — Thập sư gạn hỏi giới-từ, xét thiết có tín-tâm chắc chắn, thiết có phát nguyện hộ-trì chánh-pháp và làm những việc lợi ích cho chúng-sanh, thì mới cho thọ Danh-tự Bồ-Tát-giới.

5.) Về Tĩ-Kheo-giới. — Tĩ-Kheo là các ông thầy có trách-nhiệm hoằng pháp lợi sanh, nếu tự mình không biết Phật-pháp thì làm sao mà hoằng pháp được; vì vậy nên các thầy muốn thọ Tĩ-Kheo-giới ít nữa cũng cần phải hiểu rõ những kinh điển như sau này :

Thủ-Lăng-Nghiêm kinh,
Viên-giác kinh,
Kim-Cang kinh,
Duy-thức tam thập tụng,
Bát thức qui-cử,
Đại-thừa khĩ-tín luận,
Diệu-pháp liên-hoa kinh.

Thầy nào hiểu rõ nghĩa lý đành rành, hoặc thập sư hoặc trong chúng hỏi nghĩa lý gì cũng đều đối đáp đúng đắn thì Hòa-Thượng cho phép được thọ Tĩ-kheo-giới.

6.) Về chơn-thiệt Bồ-Tát-giới. — Về chơn - thiệt Bồ-Tát-giới thì phải thi hạch một cách đặc-biệt, dầu cư-sĩ hay Tang-già muốn thọ giới ấy cũng đều phải thi trước, có đậu mới thọ giới. Lối thi có ba phần :

a) *Hạch viết.* — Trước các công chúng, Hòa thượng rút một quyển trong các kinh điển đã nói trên kia, nhắm mắt dở một trương. trương nào cũng được, rồi chính trong trương ấy hội-đồng thập sư bàn luận với nhau, ra một cái đề cho các người muốn thọ giới. Hạn trong ba giờ phải làm xong một bài luận trình lên thập-sư chấm, mỗi bài thì Hòa-Thượng hỏi ý-kiến thập-sư và cho điểm về nội-minh, về danh-tự-minh và về nhơn-minh.

Về nội-minh thì cho từ một điểm đến 20 điểm, về danh-tự-minh và nhơn-minh thì cho từ 1 điểm đến 10 điểm. Nếu ba điểm cộng lại được trên 20 điểm thì đậu. Hạch viết đậu rồi mới được vào hạch nói.

b) *Hạch nói.* — Hạch nói thì tùy theo thập-sư chính nơi bài đã làm, hỏi các nghĩa lý trong đạo Phật (chỉ hỏi nghĩa lý chứ không hỏi pháp-số.) Thập-sư tùy theo lời đáp của học trò, hỏi đi hỏi lại để cho biết thử người học trò

có thiết phát Bồ-Đề-tâm không, hỏi xong Hòa-Thượng hỏi ý kiến thập-sur và cho điểm, hễ được 10 điểm là đậu và được thọ chơn-thiết Bồ-Tát-giới.

c) *Hạch giảng*. — Kỳ hạch này để chọn các ông thủ vĩ Sa-Di và các thầy thuyết-pháp, ai tinh nguyện thì mới hạch. Trước khi hạch, thập sur đỡ kinh lựa đề, mỗi người một đề. Người đi hạch bắt thăm một đề giữa công chúng, được phép nghĩ 15 phút, rồi giảng liền một bài về vấn-đề ấy. Giảng xong, tùy công-chúng muốn hỏi đều gì phải trả lời cho song suốt. Rồi Hòa-Thượng bàn định cùng thập sur mà cho điểm, ai được 10 điểm là đậu. Trong các thầy, thầy nào cộng lại nhiều điểm hơn hết thời được làm thủ vĩ Sa-Di.

Phép cộng điểm thì cộng một điểm về giảng kinh điển, một điểm về hạch viết, một điểm về hạch nói và một điểm về hạch giảng.

Thi hạch xong, mới khởi hành truyền giới: thập sur luận phiên thuyết giới và kê giới tương cho giới-tử nghe rõ, rồi Hòa-Thượng mới y khoa truyền giới và truyền y bát cho các vị Tĩ-Kheo. Truyền giới xong thì một ngài trong tam sư đứng dậy đọc bài huấn-tử, chỉ dạy các giới-tử phải hết lòng trì-giới và luôn nhiếp khuyến tất cả chư thiện-tín đồng tâm hiệp lực dựng bộ tri giới-luật của Phật. Giảng xong thập-sur và các người thọ giới đồng đến trước bàn Phật làm lễ tạ.

..

Giới-đàng cần phải lập như vậy mới là tề chỉnh và mới có thể lựa được những ông thầy xứng đáng làm học-trò Phật.

Chúng tôi trông mong các thầy trong sơn-môn và các nhà cư-sĩ gắng công tham-học Phật-pháp dặng 4,5 năm về sau cùng chúng tôi tổ-chức một giới đàn tề chỉnh, y theo luật Phật đã dạy.

VIÊN-ÂM



ĐẠI Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

(SURAMGAMA)

(tiếp theo)

Phật nương nơi kiên-tĩnh chỉ rõ như lai-tạng

Phật chỉ cái tánh «không chỗ trả về» của kiên-tĩnh.

Ong A-Nan đã nghe lời Phật dạy rằng từ sắc thân cho đến muôn sự muôn vật đều là vật ở trong chơn tâm, ông lại tưởng tượng cái chơn-tâm trùm khắp cả vũ trụ ở ngoài sắc-thân, nên ông mới bạch Phật rằng ông còn đem tâm phân-duyên mà thỏa chỗ trông mong của ông, nghĩa là ông còn đem cái tâm tưởng-tượng mà tưởng-tượng cái chơn-tâm. Phật biết ông còn nhận bóng dáng của sự phân biệt trần-duyên, của sự phân biệt pháp-âm của Phật làm tâm, nên Phật mới dạy rằng : « Pháp của Phật như ngón tay chỉ, tâm tánh như mặt trăng. Người thấy chỉ mặt trăng phải nương theo ngón tay mà nhận mặt trăng cũng như người nghe Phật thuyết pháp phải nương theo pháp-âm của Phật mà nhận tâm-tánh; nếu lấy bóng dáng của tiền-trần (pháp âm) làm tâm tánh, thì có khác chi người lấy ngón tay chỉ làm mặt trăng, đã không biết mặt trăng là chi, lại cũng không biết ngón tay chỉ là chi, vì nhận lầm ngón tay chỉ là mặt trăng vậy. Ngón tay chỉ là tối, mặt trăng là sáng, nhận lầm như thế lại cũng không biết cái sáng cái tối là chi nữa. Người nhận lầm bóng dáng của pháp-âm làm tâm-tánh cũng vậy, chẳng những họ không biết tâm-tánh mà họ cũng không biết bóng dáng của tiền-trần, vì họ nhận lầm bóng dáng của tiền-trần làm tâm tánh, họ lại không biết cái chơn cái vọng, vì nhận lầm cái vọng của bóng

dáng tiền-trần làm cái chơn của tâm - tánh vậy. Bóng dáng của tiền - trần không có tự-tánh. tiền trần diệt thì bóng dáng ấy cũng mất, dầu tiền-trần là pháp-âm của Phật, là hình-dung của Phật hay là cái minh-đế của bọn Câu-Xá-Ly; cái minh-đế ấy là cái lù mù do sự không thấy không nghe, không hay không biết tiền-trần tạo thành, nên ngoài tiền-trần ra, nó cũng không có tự-tánh.

Các bóng dáng của tiền-trần như kia đều có thể trả lại cho tiền-trần, tiền-trần có thì có, tiền trần không thì không, có chi đặc-biệt đâu mà gọi là tâm-tánh ».

(còn nữa)

VIÊN-ÂM



Chúng tôi xin giới-thiệu cùng Độc-giả :

DUY - TÂM NGUYỆT - SAN

CỦA

Lưỡng-Xuyên Phật - Học - Hội

là một cơ-quan giảng diễn lý nghĩa của đạo Phật, sẽ xuất - bản ngày 1^{er} Octobre 1935.

Một năm 2\$00

Sáu tháng 1, 10

Tòa soạn tại chùa Long-Phước, Traviñh. (Thơ và bài vở xin gửi cho Chủ nhiệm : M. NGUYỄN-HUỆ QUANG, Hòa thượng tại Tòa soạn Long-Phước Hội Lưỡng-Xuyên Long Đức Traviñh. Thơ mua tạp chí và mandat xin gửi cho Quản lý : M. NGUYỄN-VĂN KHỎE Lương Y Đông Pháp Traviñh.)

(續)

佛告阿難：(且汝見我見精明元，此見
雖非妙精明心，如第二月非是月影；汝應
諦聽，今當示汝無所還地。

還還還分世
各明故緣則
今變化是字
吾諸屬牆還
相此因還明
變化難明塵
諸阿明牖清
此因不戶還
看本日日埽
咸何無通鬱
汝云故月空
難處以黑還
阿因何還虛
本所輪暗頑
本日暗頑一

以暗昧明漂
何明自然妙被
還雖自本常
誰暗者心中
欲見還汝死
當復可知生
性無諸則於
明時別誰輪
精明差而受
見不無汝本
種則見非喪
八明別者悶
見於差還迷
汝還種汝自
汝若種不汝
汝等種汝常

是我

淨承

問徧

七至

者名

汝體

(未完)

KINH DIỄN ÂM

THỦ-LÃNG NGHIÊM KINH (SURAMGAMA)

(TỤC)

A Nan ngôn : « Nhược ngã tâm tánh các hữu sở hoàn, tắc Như-lai thuyết diệu-minh-nguyên-tâm vân hà vô hoàn ? Duy thù ai mẫn vi ngã tuyên thuyết ».

Phát cáo A-Nan : « Thả nhữ kiến ngã kiến-tinh minh-nguyên, thử kiến tuy phi diệu-tinh-minh-tâm, như đệ-nhi-nguyệt phi thị nguyệt ảnh ; nhữ ưng để thỉnh, kim đương thị nhữ vô sở hoàn địa.

A-Nan, thử đại giảng-đường, đồng khai đông-phương, nhứt luân thăng thiên tắc hữu minh diệu ; trung dạ hắc nguyệt, vân vụ hối minh, tắc phục hôn ám ; hộ vũ chi khích, tắc phục kiến thông ; tường vũ chi gian, tắc phục quan ứng ; phân biệt chi xứ, tắc phục kiến duyên ; ngoan hư chi trung, biến thị không tánh ; uất bột chi tượng, tắc vu hôn trần ; trường tề liễm phân, hựu quan thanh tịnh.

A-Nan, nhữ hàm khán thử chư biến hóa tướng ; ngộ kim các hoàn bản sở-nhơn xứ. Vân hà bản-nhơn ? A-Nan, thử chư biến hóa, minh hoàn nhứt luân, hà dĩ cố : vô nhứt bất minh, minh nhơn thuộc nhứt, thị cố hoàn nhứt. Ám hoàn hắc nguyệt, thông hoàn hộ vũ, ứng hoàn tường vũ, duyên hoàn phân biệt, ngoan hư hoàn không, uất bột hoàn trần, thanh minh hoàn tề ; tắc chư thế-gian như thể sở hữu, bất xuất tư loại.

Nhữ kiến bát chủng kiến-tinh-minh-tánh, đương dục thù hoàn ? Hà dĩ cố : nhược hoàn ư minh, tắc bất minh thời vô phục kiến ám ; tuy minh ám đẳng chủng chủng sai biệt, kiến vô sai biệt. Chư khả hoàn giả tự nhiên phi nhữ, bất nhữ hoàn giả phi nhữ nhi thù ? Tắc tri nhữ tâm bản diệu-minh-tinh, nhữ tự mê-muộn táng bản thụ luân, ư sanh tử trung thường bị phiêu nịch, thị cố Như-lai danh khả lân mẫn ».

A-Nan ngôn : « Ngã tuy thức thử kiến tánh vô hoàn, vân hà đắc tri thị ngã chân-tánh ? »

Phật cáo A-Nan : « Ngô kim vẫn nhữ. Kim nhữ vị đắc vô-lậu thanh-tịnh, thừa Phật thần-lực kiến ư sơ thuyền đắc vô chương-ngãi; nhi A-Na-Luật kiến Diêm-Phù-Đề như quan chương trung yêm-ma-la quả ; chư Bồ-tát đẳng kiến bách thiên giới ; thập phương Như-lai cùng tận vị trần thanh-tịnh quốc độ, vô sở bất chúc ; chúng-sanh đồng thị, bất quá phân thốn.

A-Nan, thử ngô dữ nhữ quan Tứ-Thiên-Vương sở trụ cùng điện, trung gian biển lăm thủy lục không hành, tuy hữu hôn minh chủng chủng hình tượng, vô phi tiền trần phân biệt lưu ngại. Nhữ ưng ư thử phân biệt tự tha, kim ngô tương nhữ trách ư kiến trung, thủy thị ngã-thể, thủy vị vật-tượng.

A-Nan cực nhữ kiến nguyên, từng nhật nguyệt cung, thị vật phi nhữ ; chi Thất-kim-sơn, châu biển để quan, tuy chủng chủng quang, diệp vật phi nhữ ; tiệp tiệp cảnh quan vân đăng, điêu phi, phong động, trần khỉ, thụ mộc sơn xuyên, thảo giới nhân súc, hàm vật phi nhữ. A-Nan, thị chư cận viển chư hữu vật tánh, tuy phục sai thù, đồng nhữ kiến-tính thanh-tịnh sở chúc ; tắc chư vật loại tự hữu sai biệt, kiến tánh vô thù ; thử tính-diệu-minh thành nhữ kiến-tánh.

Nhược kiến thị vật, tắc nhữ diệp khả kiến ngô chi kiến ; nhược đồng kiến giả danh vi kiến ngô, ngô bất kiến thời, hà bất kiến ngô bất kiến chi xứ ; nhược kiến bất kiến, tự nhiên phi bỉ bất kiến chi tướng. Nhược bất kiến ngô bất kiến chi địa, tự nhiên phi vật, vân hà phi nhữ.

Hựu tắc nhữ kim kiến vật chi thời, nhữ ký kiến vật, vật diệp kiến nhữ, thể tánh phân tạp, tắc nhữ dữ ngã tính chư Thế-gian, bất thành an lập.

A-Nan, nhược nhữ kiến thời, thị nhữ phi ngã, kiến tánh châu biển, phi nhữ nhi thủy ? Vân hà tự nghi nhữ chi chơn - tánh. Tánh, nhữ bất chơn, thủ ngã cầu thực.

KINH DIỄN NGHĨA

KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM (SURAMGAMA)

(tiếp theo)

Ong A-Nan bạch Phật rằng : « Như tâm tánh tôi đều có chỗ mà trả về, thời cái diện-minh-nguyên-tâm của Như-Lai nói, làm sao lại không chỗ trả về ; xin Phật dủ lòng thương xót, vì tôi tuyên bày tỏ lẽ ấy ».

Phật bảo ông A-Nan : « Hiện cái kiến-tinh-minh-nguyên của ông thấy tôi đây, cái kiến-tinh ấy tuy chẳng phải là diện-tinh-minh-tâm, cũng như cái đê-nhi-nguyệt (1), không phải thiệt là vành trăng ; ông hãy lắng nghe ; tôi nay khai-thị cho ông cái tánh không thể trả về. Ông A-Nan, cái đại giảng đường này, phương đông mở rộng, khi mặt trời mọc lên thì thấy sáng rõ nửa đêm trăng tối, mây mù mờ mịt thì lại tối đen ; chỗ có cửa ngõ thì thấy thông thương, chỗ bị vách nhà thì lại thấy ngăn cách ; chỗ có phân hiệt (2) thì thấy các sắc duyên (3), chỗ trống vắng không chi thì đều là hư-không cả ; hình-tượng, mù mịt là vì bụi nổi lên ; khi mưa tạnh, trời thanh thì thấy trong sạch. Ông A-Nan ! ông cũng đều xem những tướng biến hóa như vậy ; nay tôi hãy trả các tướng ấy

1.) *Đê-nhi-nguyệt.* — Đê-nhi-nguyệt nghĩa đen là mặt trăng thứ hai. Mặt trăng vốn chỉ có một, vì đại con mắt nên bị lừa, thấy ra hai mặt trăng cũng như tâm-thể vào trùm khắp, chỉ vì vọng động nên hóa ra năng kiến (kiến-tinh) và sở-kiến (vật-tượng).

2.) *Phân-biệt.* — Phân biệt nghĩa đen là chia rẽ, tức là chia cảnh giới ra có từng có ngăn, mà biết vật này khác với vật kia, sự này khác với sự nọ, vân vân.

3.) *Sắc-duyên.* — Sắc-duyên là duyên của sắc trần, tức là cái sở-duyên-duyên đối với con mắt của các vật có hình-tượng.

về chỗ **bổn-nhơn** (4) của nó. Sao là **bổn-nhơn**? Ông A-Nan, trong các món biến hóa ấy, sáng thì trả lại cho mặt trời; Vì sao? Vì không mặt trời thì không sáng; **bổn-nhơn** của cái sáng thuộc về mặt trời, nên trả về cho mặt trời. Tối thì trả về cho đêm tối trắng; thông-thương thì trả về cho cửa ngõ, gần cách thì trả về cho vách nhà, sắc-duyên thì trả về cho phân-biệt, trống đồng thì trả về cho hư không, mờ mịt thì trả về cho bụi, trong suốt thì trả về cho trời tạnh: hết cả các món có ở thế-gian cũng không ngoài các loài ấy.

Vậy cái kiến-tỉnh-minh-tánh của ông thấy tám món kia, ông định trả về đâu! Vì có sao? Như trả về cho cái sáng thì đến khi không sáng không thể thấy tối; mà nay tuy các món sáng, tối ấy sai khác nhau, nhưng cái thấy vốn không sai khác.

Cái nào có thể trả về được, tự nhiên không phải là ông, chớ cái mà ông không thể trả về, thì không phải là ông mà ai? Vậy thì biết tám ông bản-lai là **Diệu-minh-tịnh** (5); Ông tự mê muội, bỏ mất tánh bản-lai mà chịu luân hồi, thường bị chìm đắm trong bể sanh tử, vậy nên Như-lai gọi là đáng thương xót».

Ông A-Nan bạch Phật: « Tôi tuy biết tánh thấy ấy không chỗ trả về, nhưng làm sao biết được tánh thấy ấy là chơn tánh của tôi? »

Phật bảo ông A-Nan: « Tôi nay lại hỏi ông: Nay ông chưa chứng được vô-lậu thanh-tịnh (6), song nhờ thần lực Phật thấy đến cõi Sơ thiên khỏi phải ngăn ngại mà ông A-Na-Luật-Đà thì thấy thế-giới Diêm-phù-

4.) **Bổn-nhơn**. — **Bổn** nhơn tức là nguyên nhơn: như nhơn có học mà biết chữ thì sự học là **bổn-nhơn** của sự biết chữ.

5.) **Diệu-minh-tịnh**. — Biến hiện đủ các pháp nên gọi là diệu, rõ suốt tất cả các pháp nên gọi là minh, không thể bị nhiễm ô ràng buộc nên gọi là tịnh.

6.) **Vô-lậu thanh-tịnh**. — Còn thấy có sự mê lầm mà không nhiễm trước thì gọi là hữu lậu thanh-tịnh, không thấy có sự mê lầm có thể nhiễm trước thì gọi là vô lậu thanh-tịnh.

Hàng Thanh văn đến quả A-La Hán thì được vô-lậu thanh-tịnh.

7) như coi trái Yêm-ma-la trong bàn tay (8); các hàng bát-tát thì thấy trăm ngàn thế-giới; thập-phương Như-lai thì tịnh-tột thanh-tịnh quốc-độ như số vi trần, không chỗ nào là không thấy; con lường thấy của chúng sanh thì không quá gang tấc. Ông A-Nan, nay tôi cùng ông hãy xem cung điện của tứ thiên-vương (9) ở, chẳng giữa em khắp thủy, lục, không, hành (10), tuy có nhiều hình tượng hoặc sinh hoặc tử khác nhau, nhưng không cái nào chẳng phải là tiền trần phân biệt mà lưu-ngại (11); ông hãy ở nơi đó phân biệt cái tự cái tha (12). Nay tôi hãy vẽ ông lựa ở trong cái thấy đó, gì là ngã - thê (13) và là vật-tượng (14). Ông A-Nan, tột cái sức thấy của ông, từ cung nhứt nguyệt (15), đều là vật chớ chẳng phải

7.) *Diêm-phù-Đề.* — là quả địa-cầu. Thái-dương-hệ có 4 thế giới có sinh-vật, Diêm-phù-đề là một.

8.) *Coi trái Yêm-Ma-La trong bàn tay.* — Ông A-Nan bị Đà-đánh hay quỷ nên bị Phật quở ông biết lỗi mình, liền ông sức tham tuyền trong bảy ngày không ngủ đến nỗi dui hai mắt, như ông cũng quyết chí tu hành cho đến khi chứng được quả A-La-Hán, được phép thiên-nhãn thấy tỏ rõ hơn người thường. Trái Yêm-Ma-La là một thứ trái bên Ấn độ, ông A-Nan bị Đà-đánh cầm trái ấy trong bàn tay, vừa có người hỏi ông ấy được bao xa thì ông nói ông thấy cả thế-giới Diêm-phù-đề từ cái trái trong bàn tay vậy.

9.) *Tứ-Thiên-Vương.* — Là bốn vị thiên - Vương ở cõi bốn tứ-thiên-vương-thiên là cõi trời thấp hơn hết.

10.) *Thủy, lục, không, hành.* — là vật ở dưới nước, vật trên bộ loài bay giữa hư-không, loài đi trên mặt đất.

11.) *Tiền trần phân biệt mà lưu-ngại.* — là tiền trần chia vật này vật khác mà niệm các hình ảnh trong tánh thấy.

12.) *Cái tự, cái tha.* — Cái tự là mình, cái tha là những cái khác với mình.

13.) *Ngã-thê.* — là thê của mình.

14.) *Vật tượng.* — là hình tượng của vật.

15.) *Nhứt nguyệt.* — là mặt trời mặt trăng.

ông, cho đến Thất-Kim-sơn (16), xét coi cùng khắp, tu có hào-quang nhiều thứ, nhưng cũng là vật chớ chắn phải ông. Lăn lăn lại xem mây kéo chim bay, gió độn bụi nổi, cây cối núi sông, cỏ rất người thú, đều là vật chớ chẳng phải ông. Này ông A-Nan, tuy các vật kia xa ở gần có sai khác nhau, nhưng cũng đồng một kiến-tính ông, thanh-tịnh xem thấy (17), thời các vật kì tự có sai khác, tánh thấy không sai khác, cái tinh-diệu minh (18) ấy thiết là tánh thấy của ông.

Nếu cái thấy là vật, thì lẽ ra ông thấy được cái thấy của tôi, sao lại không thấy. Như vì đồng thấy một ch mà gọi là thấy cái thấy của tôi, thì trong khi tôi không thấy, sao ông lại không thấy chỗ không thấy của tôi. Dầu nói thấy được chỗ không thấy của tôi, thì ông cũng thấy cái gì chớ quyết - định không phải thấy được cái tướng không thấy (19). Như đã không thấy chỗ không thấy của tôi, thì tự nhiên cái thấy chẳng phải là vật làm sao không phải là ông.

16.) Thất-kim-sơn. — là chỗ ở của tứ Thiên-vương.

17.) Thanh tịnh xem thấy. — Sắc cũng thấy, không cũng thấy, trắng cũng thấy, đen cũng thấy, không có thân sơ, không chia rẽ nên gọi là thanh-tịnh.

18.) Tinh-diệu-minh. — là cái tánh diện-minh của kiến-tính.

19.) Quyết định không thấy được cái tướng không thấy. Cái tướng người ta thấy thì mình thấy được, chớ đã là cái tướng không thấy thì làm sao mà thấy cho được. Ví như một cái bát người ta thấy cái bông thì mình cũng có thể thấy cái bông, d như cái tướng của cái bông đối với người không thấy bông thì mình làm sao mà thấy được.

Lại nữa, nếu cái thấy làm vật, thì trong khi ông đã thấy vật, vật cũng thấy ông, thể-tánh xen lộn (20) thì ông cùng tôi, cùng tất cả thế-gian là sao an lập được. Nay ông A-Nan, như khi ông thấy là ông chứ không phải tôi, thời cái tánh thấy trùm khắp kia chẳng phải là ông mà ai, sao ông còn nghi cái chơn-tánh của ông. Tánh của ông, ông không tự chơn lấy, lại chấp nơi pháp-âm của tôi mà cầu chỗ chơn-thiệt ! »

còn nữa

VIÊN-ÂM



20.) *Thể-tánh xen lộn.* — Nếu như hữu-tính cũng thấy, vô tính cũng thấy thì vạn vật trong thế gian đều lộn lạo cùng nhau, còn biết cái gì là cái gì nữa.

TAM CẢNH

Tùy theo lối tác dụng của thức, cảnh-giới có khác, nên Duy-thức học chia ra làm ba món là : tánh-cảnh, đối-chất cảnh và độc-nhạ cảnh.

1*) *Tánh cảnh.* — Tánh-cảnh là cảnh-giới y như duy-thức tánh biến hiện, chia ra hai bộ phận là :

a) *Vô-chất tánh-cảnh.* — Vô-chất tánh cảnh là cảnh như như bình-dẳng bản-lai tịnh tịch của Duy-thức-tánh.

b) *Hữu-chất-tánh-cảnh.* — Hữu-chất tánh cảnh là cảnh giới do Duy-thức-tánh y theo hiện-duyên mà biến hiện, phùng pháp nào cũng an-trụ tự tướng của Pháp ấy, không có phân biệt chấp trước.

2*) *Đối-chất-cảnh.* — Đối-chất-cảnh là cảnh-giới do vọng-chấp nương theo hữu-chất tánh-cảnh mà biến hiện. Đối-chất cảnh cũng chia ra hai bộ phận :

a) *Chơn đối chất cảnh.* — Chơn-đối-chất-cảnh là cảnh do tâm duyên với tâm mà biến hiện, như thất-thức duyên với kiến-phân của bát-thức mà hiện ra cái ngã-tướng làm tướng phần cho thất-thức. Ngã-tướng ấy do cả thất thức và bát thức biến hiện, nên duy thức có câu : « Dĩ tâm (thất-thức) duyên tâm bát thức chơn-đối-chất, trung gian tướng phần (ngã-tướng) lưỡng đầu sanh. »

b) *Tợ-đối-chất-cảnh.* — Duy-thức có câu : « Dĩ tâm (lục-thức) duyên cảnh (ngoại cảnh) tợ-đối-chất, trung gian tướng phần (lục-trần) nhứt đầu (lục-thức) sanh ». Cảnh ấy theo nghiệp mê lầm phân biệt của chúng sanh mà phát hiện, in tuồng nương theo chất nhưng thiệt không nương theo bản chất, nên gọi là tợ-đối-chất.

3*) *Độc-ảnh-cảnh.* — Độc-ảnh cảnh là các bóng dáng do ý thức biến hiện. Độc-ảnh-cảnh cũng chia ra hai phần :

a) *Hữu-chất độc-ảnh-cảnh.* — là những cảnh-giới do ý-thức nương theo những sự đã trông thấy mà tạo thành. Như trước đã thấy một người rồi, về sau tuy không có người ấy trước mắt, nhưng cũng nhớ lại hình tượng người ấy.

b) *Vô-chất độc-ảnh-cảnh.* — Là ý-thức tự tạo, những cảnh-giới chưa hề trông thấy ; như nghĩ ra lòng rùa, sừng hổ, ông Táo-hóa, các việc quá khứ, vị lai, vân vân.

Đối-chất-cảnh và độc-ảnh cảnh là cảnh giả dối, tánh-cảnh là cảnh chơn thiệt, người tu học cần phải tu học cần phải một lòng tinh tấn để cho hiện-lượng chúng được tánh cảnh.

CHÍNH-ĐỒN TĂNG-GIÀ

Chúng tôi thường thấy trên các báo chương đăng những sự hành-vi trái phép của một vài người trong Tăng-già, rồi lắm khi lại hơn đó mà phê bình Phật-giáo. Lỗi phê bình như kia vẫn không đúng, vì sự hành-vi của một vài người giả làm đệ-tử Phật, mà thiệt ra là những phường vô-lại, vẫn không có quan hệ gì với toàn thể tín-đồ Phật-giáo. Tuy vậy, đối với những sự chướng tai gai mắt như kia, Phật-giáo-đồ nở rộ cho những bọn thiên ác vạn ác mượn áo đệ tử Phật mà buôn bán Phật không? Nếu không thời phải cùng nhau đồng tâm hiệp lực chỉnh-đốn lại tăng-chúng để tạo thành Tăng-bảo của đạo Phật.

Phật đã có lời di-ngôn : « Khi Phật nhập-diệt rồi, phải lấy giới luật làm thầy », vậy giới luật là khuôn phép chung của tín-đồ Phật-giáo, là nền tảng chung của sự tu chứng Phật-đạo : chẳng những ông thầy không giữ giới luật quyết chắc không phải ông thầy của đạo Phật, mà những tín-đồ, nếu không giữ đặng một giới trong năm giới Ưu-Bà-Tắc thời cũng không phải là tín-đồ đạo Phật nữa.

Muốn tuyệt trừ cái nạn phá giới thì trong sơn-môn, ngoài thiện-tín cần phải hiệp đồng cùng nhau tôn trọng giới luật, tuyên-dương giới-luật để cho chơn-tướng của đạo Phật có ngày thực hiện. Những phương pháp trừ nạn phá giới vẫn nhiều, xin lược kể ít phương pháp như sau này :

1. Đối với trong sơn-môn

a) *Lập một ban luật-sư để kiểm-sát giới-hành của Tăng-chúng* — Tăng-chúng các chùa và thiện-tín trong một tỉnh phải hiệp đồng công-cử một ban luật sư là 5 người, rồi các thầy và cư-sĩ đồng ký tên trong tờ biên-bản công-cử và trình lên quan sở-tại, để ban ấy được công-nhận làm đại-biêu cho toàn-thể tín đồ đạo Phật.

Khi cử luật-sư thì dò Tăng-già cử 20 thầy tinh-thông giới luật và yết tên giữa công-chúng để cho công-chúng chỉ-trích những thầy đã phạm-giới đủ chứng cứ, sau khi thọ

giới. Người nào bị chỉ-trích đúng đắn thì phải bỏ tên ra không được ứng cử. Rồi Tăng-già và cư-sĩ mới công-cử 5 vị luật-sư trong số các thầy còn lại.

Chức luật-sư này là chức vĩnh-viễn, trừ ra khi đủ chứng-cớ phạm-giới. Khi ấy các vị luật-sư khác nhóm nhau lại, đòi tiền-cáo và thầy luật-sư bị-cáo đến trước tăng-chúng và thiện-tín mà phân xử. Nếu tiền cáo không đủ bằng cớ thì phải xử theo tội vọng-ngữ và trục-xuất ra ngoài toàn-thể tín-dồ ; còn nếu vị luật-sư bị-cáo thiệt có phạm-giới, thì hội đồng truyền thân y bát, hủy trước công chúng, cử một vị luật-sư khác thế chức và trình quan sở tại, không nhận người ấy vào toàn-thể Tăng-già đạo Phật nữa.

Trong 5 vị luật-sư, mỗi vị đều có một bản sao của biên bản công-cử, có dán bóng mình và có quan sở-tại chứng nhận. Còn trong sơn-môn thì mỗi thầy có một quyển sổ, trên có dán bóng mình, do các vị luật-sư ký-nhận, mỗi năm các thầy phải trình ban luật-sư ký nhận một lần mới được phép đắp điều-y.

Người nào phá-giới, đã bị thân sô hoặc không có các vị luật-sư ký nhận trong sổ về năm ấy thì không được đắp điều-y. Nếu không có sổ, hoặc không có ban luật-sư chứng nhận về năm ấy mà cứ đắp điều-y thôi phải truy-tố về tội giả dối, có thể làm thiệt hại cho Phật-giáo.

Những người đã phá-giới, trừ khi hết sức sám-hối, tu hành mạnh mẽ, được phép thọ-giới lại, thì không khi nào được đắp điều-y.

b) Tổ-chức những ban thầy cúng. — Trong Tăng-bảo đạo Phật, nếu chỉ còn những bậc tri-giới thôi chắc có phần ít, không đủ cho sự nhu-cầu của các nhà thiện-tín, vì vậy nên phải-tổ chức những ban thầy cúng. Thầy cúng không phải là Sa-di, là Tỳ-kheo, thầy cúng là Ưu-Bà-Tắc, chỉ thọ một giới, hai giới, nhưng biết tán biết tụng, thầy cúng không được đắp điều-y, không được mặc áo nhựt-bình và áo tràng. Thầy cúng chỉ được đắp mang y màu nâu, hay màu xám và được mặc áo mực năm thân mà thôi. Thầy cúng ở nhà mình hoặc ở chùa riêng, làm nghề cúng cấp, chớ không

được ở các tở đình hoặc vào các quan-tự và cũng không được làm lễ qui-y hay truyền giới cho chư thiện-tín. Những lỗi qui-y thọ-giới về trước do các người phá giới truyền cho, đều không có giá-trị và cần phải làm lại cả.

Các ông thầy không giữ giới đều cho vào hạng ấy: thế là họ đã có nghề làm ăn mà lại khỏi phải mắc tội ủy phạm giới luật nhà Phật, làm cho đời sau phải chịu khổ trong ba đường dữ.

c) *Lỗi kiểm xét giới-hạnh của các Tăng-già*. — Trong mỗi tỉnh, chia ra từng địa-phận do một ông luật-sư cai quản. Khi nào có người báo cáo về sự phạm-giới của một ông thầy nào, thì vị luật-sư ấy phải thân hành tra xét, rồi đến cuối năm trình với hội-đồng luật-sư tài-phán và định tội nên thâu sớ hay nên không ký nhận. Ông thầy nào muốn đi tỉnh khác phải có luật-sư chứng nhận mới được đi. Khi đến tỉnh nào cũng phải trình cho luật-sư trong địa-phận chứng nhận rồi mới được đắp điều-y.

2. Về phương-diện chư thiện-tín

Công việc chỉnh đốn Tăng-già, nếu để một mình sơn-môn thì chắc khó thành, vậy chư thiện-tín cần phải tham-dự việc ấy, và lại phải thiết-hành hộ-trì giới-luật mới được. Lỗi hộ-trì giới-luật xin chia ra ít khoản như sau đây :

a) *Không nên nhận những người đã phá-giới là thầy tu đạo Phật*. — Chúng ta thử nghĩ : các ông thầy, nếu phá giới thì còn gì đáng gọi ông thầy đâu : nói rằng đầu tóc thì ai cạo đầu tóc lại không được, nói rằng mặc áo mực ở chùa thì ai mặc áo mực ở chùa lại không được, cho đến tấn, sám, tụng, niệm cũng vậy, ai cũng làm được cả. Vậy ông thầy mà được làm ông thầy là vì trì-giới : nếu ông thầy không trì-giới thì có khác chi một người thế-gian, có lẽ lại thua một người thế-gian nữa, vì là một người giả dối.

b) *Phải phá-hủy những điệp qui-y thọ-giới của các ông thầy đã phá-giới cấp cho, vì không có giá trị*. — Chúng ta thử nghĩ : chúng ta qui-y là qui-y theo thập phương thường-trụ tam-bảo chứ không phải qui-y với một ông thầy, song vì sợ đem

thân-lâm một người chưa giữ giới-luật đến bạch trước tam-bảo thì thiếu về nghiêm-trọng và ít phần cảm-ứng, nên chúng ta phải nhờ một ông thầy giới-luật thanh-tĩnh thay mặt mình, bạch trước tam-bảo. Thụ-giới cũng vậy, ông thầy đã thụ-giới trước tam-bảo, đã trì-giới lâu năm nên đủ sức truyền giới pháp lại cho chúng ta gìn giữ. Trái lại, nếu ông thầy đã thụ-giới mà không giữ giới thì chính ông là người phá-hoại giới-luật, không tin Phật-pháp, không sợ nhơn-quả, giả dối bòn Phật, chính ông là tội-nhơn trong đạo Phật: vậy còn nhờ ông thay mặt mình bạch trước tam-bảo mà làm gì! vậy ông còn giới gì mà truyền cho kẻ khác; mà những giới-diệp của ông ấy cấp cho mình còn có giá-trị gì nữa. Không có giá-trị nên cần phải phá hủy.

c) *Công-bố những sự phạm-giới có bằng có của các bậc Tăng-già* — Kinh luật thường dạy: không nên nói đến lỗi của các bậc Tăng-già; nhưng đó là chỉ về hạng Tăng-già chưa-thiệt chỗ không phải về hạng Tăng-già giả dối. Trong thế-gian thường lắm không biết rằng chính nghĩa câu: «Không nên nói việc lỗi của Tăng-già», là không nên đem phàm tâm mà phê-bình các ông thầy đủ giới-bạch, chứ không chỉ khác. Đến như các ông thầy không giữ giới thời các ông ấy đã tự đặt mình ra khỏi vòng Tăng-già rồi, các ông còn phải là Tăng-già đâu nữa mà không dám công-bố những điều phạm-giới. Thiệt ra, công bố những sự phạm-giới có chứng có của các hạng Tăng-già giả dối là một việc rất hay, có công đức hơn việc làm chùa đúc tượng nhiều lắm, vì đã làm cho trong Tăng-già ít dám phạm-giới và đã thiệt-hành hộ-tri chánh-pháp của chư Phật.

d) *Bảo hộ, cùng dường các thầy giữ giới-luật.* — Người đạo Phật nên phản đối những người phá-giới bao nhiêu thì lại càng nên hộ-tri cùng-kính cùng-dường các thầy trì-giới bấy nhiêu.

Tôi nghe có người bòn-đạo mời thầy uống rượu hoặc khuyên thầy ăn mặn, thật rất thương xót, vì họ đã phạm một tội rất lớn trong đạo Phật, không biết mấy kiếp mới gở ra cho hết. Dầu cho ông thầy vì đau ốm không biết tự-tri, mong lòng phá giới đi nữa, thời bòn-đạo cũng nên hết

lời khuyên can đề cho khỏi phạm giới mới phải, lẽ đâu lại bảo thầy phá giới-luật Phật, làm cho một ông thầy chơn-chánh hóa ra một người giả dối, gây nên tội ác tày trời, tự mình dọa Địa-ngục đã dành, lại báo hại cho ông thầy cũng phải dọa Địa-ngục nữa. Vậy tín-đồ Phật giáo cần phải hộ-trì giới-thề của các thầy như hộ-trì thân-mạng của mình, không nên để cho các thầy có dịp mà phạm-giới.

Đến như những bậc đại-đức, giới-hạnh hoàn toàn, thì thiệt đáng quý vô cùng. Về sau thành Phật, thành Bồ-Tát đều là những bậc ấy, nên tín-đồ cần phải cung kính cúng-dường như cúng dường một bậc vị-lai-Phật.

e) *Không dự những công việc không hiệp với Phật-pháp.*
— Chúng tôi thường thấy lắm kẻ hô hào làm Phật-sự mà ở nơi nguồn gốc đã sai lầm cả, thời những Phật-sư họ làm, chỉ là ma-sự mà thôi. Những công việc của những người phá-giới làm, đầu là lập chùa, đúc tượng cũng không nên dự vào, vì nó chỉ là những lối buôn bán Phật-pháp để kiếm tiền kiếm rượu.

f) *Tham dự những công việc hoằng-dương chánh pháp, chỉnh đốn Tăng-già.* — Trái lại, những công việc truyền bá chánh pháp của Phật, những công việc sửa sang lại sơn-môn cho tề chỉnh, khỏi phải kẻ giả-dối xen vào là những công việc hay, ai là tín-đồ Phật-tử cũng phải hết sức bảo hộ, giúp đỡ cho mau thành-lưu để cho cái chơn tinh-thần trong sạch sáng suốt của Phật-giáo được hoàn toàn phát hiện. Trong tinh-thần ấy thiệt không có những lối quái gở như trong các báo đã nói.

Hộ-trì giới luật là xây nền tảng cho đạo Phật, hoằng dương chánh pháp là dựng cơ sở cho đạo Phật: công đức vô-biên vô-lượng.

Tiền-thân đức Thích-ca nhờ liễu mình hộ-trì chánh-pháp nên được vắng-sanh về Tịnh-đô đức Phật A-Súc và về sau thành Phật. Ai là người muốn về Tịnh-độ, ai là người muốn thành Phật xin hãy gắng công hộ-trì chánh-pháp, hộ-trì giới-luật.



PHẬT-HỌC DI GIẢI

Qui - y tam bảo

Tin-dỗ đạo-Phật ai ai cũng có làm lễ quy-y tam-bảo, nhưng vì ít ai rõ lý nghĩa của phép quy-y, nên mất nhiều phần lợi ích.

Muốn cho sự quy-y khỏi phải có danh mà không có thiệt, tín đồ đạo Phật cần phải quy-y hai lần: một lần khi đương nhỏ dại là danh-tự quy-y, một lần khi đã trưởng thành là chơn thiệt quy-y.

1.) Danh-tự quy-y

Khi nhỏ tuổi, cha mẹ dắt đến chùa làm lễ quy-y để kết thiện duyên với Phật-Pháp. Khi ấy chỉ biết Phật là tượng Phật, Pháp là là kinh sách của các thầy thường tụng, Tăng là những ông đắp y-hậu chớ không biết gì khác, nên gọi là danh tự quy-y.

2.) Chơn-thiệt quy-y

Đến khi trưởng-thành biết nghĩa lý, phải tự mình đi khắp sơn-môn, học hỏi lý-nghĩa đạo Phật và tìm một ông thầy giới hạnh trong sạch, giáo - lý tinh - thông để thỉnh làm ông bản-sur của mình.

Tìm được rồi, mới làm lễ bạch thầy xin thọ - giáo và thường đến chùa học hỏi cho biết rõ Phật, Pháp, Tăng là gì và cho biết những phương phép tu hành thông thường của đạo Phật. Học hỏi như vậy đôi ba tháng,

đến khi thầy ấn chứng cho là thiết biết tam-bảo và có thể thọ một giới trong ngũ - giới, thì mới xin thầy làm lễ chơn-thiết - quy-y.

Lễ quy-y này phải làm cho long trọng, có nhiều các thầy chơn chánh và thân - bằng quyến thuộc đến dự lễ lại càng tốt.

Sau khi niêm hương cúng dường Phật, Thầy bạch trước tam bảo và truyền phép tam - qui, ngũ giới cho đệ tử. Đệ-tử quỳ nghe rồi, phát thệ một lòng quy-y tam-bảo và xin tín nguyện bắt đầu giữ những giới gì.

Thầy nghe rồi liền chỉ về giới-tướng của giới ấy rất rõ ràng để cho đệ-tử biết mà tri-thủ. Đệ-tử tuân-lãnh pháp-âm, lạy tạ tam - bảo thì thầy chú nguyện cho Đệ-tử đời đời kiếp kiếp quy-y tam-bảo cho đến khi thành chánh-giác.

Rồi các thầy hiện diện và thân-bằng quyến thuộc đều làm lễ trước tam-bảo, nguyện cho người mới quy-y được đạo-tâm kiên-cố.

Những người đã chơn-thiết quy-y như vậy, nếu ít năm sau, tự xét có thể thọ giới khác, thì như một ngày vừa lớn, bạch thầy truyền thêm cho, đến khi giữ trọn ngũ giới thì mới được gọi là toàn phần Ưu-Bà-Tắc.

Trông mong tin-đồ Phật-giáo đừng nghĩ rằng danh-tự quy-y là đủ và gắng tham học Phật-pháp đăng chơn-thiết quy-y theo tam-bảo đạo Phật.

VIÊN-ÂM





THI-LÂM

Khuyến người học đạo

Trãi-thể sự như in giấc mộng,
 Khuất lần theo với bóng tà dương,
 Chấp chi những cái vô-thường
 Đem tâm phân biệt mà thương ghét hoài.
 Chỉ phải quyết ra ngoài thế-cục,
 Đứng tùy theo cảnh tục mới là tiên.
 Phải quán cho rõ cái mối phiền
 Tánh tự tại vui riêng không nhiễm trước :
 Diệt cho hết các lòng tham dục,
 Nước lóng hoài hết dục mới thành trong,
 Từ xưa nay một thể vẫn đồng,
 Muôn pháp ấy là trong một pháp.
 Vạn vật « có » vì nhơn duyên hòa hợp,
 Tánh tình « không » bởi đối đáp mà nên.
 Thử lắng nghe một tiếng chuông rền,
 Rồi tự hỏi : « Từ đâu lên ? mà đâu xuống ? »
 Tánh linh-giác chớ nên bỏ luống,
 Phải dời mài kéo ưỡng kiếp đời nay.
 Đạo thậm thâm vi diệu chi tày,
 Bờ chánh-giác đã có thầy nhắc-nhủ.
 Ta nào khác những người mê ngủ,

Kiếp luân-hồi lộn đủ sáu đường ma,
Bởi vì chơn lý thường xa
Nên khó thấy Di-Đà tự-tánh.
Nay phải quyết một lòng đồng-mảnh,
Cố tìm ra Phật-tánh chơn-như ;
Rồi dọc-ngang một chiếc thuyền từ,
Cứu những kẻ ngãng-ngơ trong bể khờ.
Nhờ ơn Phật ta nay tỉnh-ngộ,
Nói đức từ tế độ khắp quần-sanh.
Kìa những ai còn vương thất-tính,
Nên quán rõ vì đâu sanh mà đâu diệt
Khi nhắm mắt trăm ngàn thương tiếc,
Bởi vì chơn chấp thiết có thân ta ;
Nào biết đâu giữa cõi Ta-Bà,
Vạn vật thấy đều là mộng huyễn,
Bởi nhân-quả muốn đời luân-chuyển,
Khiến cho người tham luyến cảnh trần-gian ;
Cái chi chi hạc nội mây ngàn.
Thân phù-thế hợp, tan không mấy chốc.
Trông những cảnh u-sầu là ngục
Giám lỏng người lâm lúc nên ghê,
Nỗi đắng cay chua xót ê-chề.
Lòng khắc - khoải muốn bề khô sở.
Kiếp hoa nọ, tối tàn sớm nở,
Cuộc nhân-hoàn day trở có lâu chi,
Xin ai ai hãy gắng tu tri
Mới rõ đạo từ bi vô-thượng.
Vìn sáu chữ Di-Đà niệm tưởng,
Cùng trì kinh chiêm-nguỡng bái Như-Lai
Câu sao cho thanh tịnh suốt ngày.
Lòng chẳng vương mấy may trần-lụy.
Biểu thông suốt muôn đều Như-thị,
Ai muốn làm xét kỹ đó mà coi ;
Kìa trăng trên cánh hoa mai. . .



SỰ TÍCH

SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH-CÁ

(tiếp theo)

XXIII. — Phật qua nước Tỳ-Xá-Lý cứu bệnh Ôn-dịch

Khi ấy trong nước Tỳ-Xa-Lý, ôn-dịch thành hành người chết vô số. Bọn Lục sư ngoại-đạo đã hề phép; vua Trần-Bà-Ta-La vì vậy thỉnh Phật đến nước Tỳ-Xa-Lý mà cứu nạn. Phật đem cả tăng-chúng đến nước ấy cứu trị ôn-dịch; bệnh ôn-dịch vừa cứu trị hết thì Phật cùng đại-chúng trở về thành Vương-Xá, an cư nơi Trúc lâm tịnh xá.

XXIV. — Phật khai giáo tại thành Xá-Vệ

Khi ấy ở phía tây bắc sông Hằng có thành Xá-Vệ là kinh đô nước Kiền-Tát-La. Vua nước Kiền-Tát-La hiệu là **Tu-Nặc** có một vị đại-thần tên là **Tu-Đạt-Đa** (Sudatta). Vị đại-thần ấy nhà giàu, ưa bố thí, ưa cứu giúp kẻ cơ khổ, nên được tặng cái hiệu là **Cấp-cô-độc** trưởng giả (v trưởng giả trợ cấp cho người mồ côi kẻ góa bụa). Ông **Cấp-cô-độc** có người em gái lấy chồng ở thành Vương-Xá. Khi đi thăm em, ôngặng nghe thuyết pháp từ đ liền chứng quả **Tu-Đà-hoàn**. Ông bèn xin Phật qua giáo hóa bèn thành Xá-Vệ. Phật bảo bên nước ấy không có tịnh-xá, thời ông **Cấp-cô-độc** liền tình nguyện về nước lập tịnh-xá. Ông về nước, nhấm được rừng cây của **Thái-tử Kỳ-Đà** (Jeta) liền hỏi mua. Thái-tử muốn thử bụng ông **Cấp-cô-độc**, bảo phải lấy vàng lướt đất, lướt được ba

hiệu thì bán bấy nhiêu. Ông Cấp-cô-độc liền lấy vàng
cắt một khoảnh rộng. Thái-tử thấy chỗ thành tâm mà
động nên phát nguyện bố thí cả rừng, cùng với ông
Cấp-cô-độc lập tịnh xá rộng lớn. Ngày nay, trong các kinh,
nói Kỳ-viên tịnh xá. Kỳ-hoàn tịnh xá hay Kỳ tho
Cấp-cô-độc-viên, tức là tịnh-xá ấy. Trong-ấy có 12 tòa tháp.
giảng đường, 3.600 phòng ở, 500 nhà lầu, trang nghiêm
bực. Từ đó đức Phật Thích Ca thường ở nơi ấy thuyết
pháp, mà vua Ba-Tư-Nặc cũng quy-y theo Phật.

XXV. — Phật trở về Thành Ca-Tỳ-La-Vệ

Nông dân thành Ca-Tỳ-La-Vệ và nông dân thành Câu-
Ly nhơn đại hạn, cùng nhau dâng nước rất dữ dội.

Phật hay được liền bỏ thành Xá Vệ, trở về Ca-Tỳ-La hòa
giải hai bên và giáo hóa dân chúng. 250 người trong qui
độc hai thành đều xuất gia theo Phật.

XXVI. — Phật trở về Tịnh xá đại-lâm thành Tỳ-Xá-Ly.

Về sau, Phật nghe vua Tịnh-Phạn đau nặng liền trở về
thành Ca-Tỳ-La-Vệ thăm vua. Vua nhờ Phật thuyết pháp,
giết sự đau đớn, tinh thần thoải an lành mà băng; có
sách nói vua hưởng-thụ được 79 tuổi. Tống táng xong,
Phật lại về Đại-lâm tịnh xá.

Lúc ấy bà Ma-ha-ba-xà-ba-dề, bà Da-Du-đa-la và nhiều
người đàn bà con gái trong họ Thích-Ca buồn rầu không
nết, đều đến xin xuất-gia theo Phật. Phật không cho, sau
nhờ ông A-Nan hết sức xin cho bà di-mâu của Phật, nên
Phật bất đắc dĩ mới cho, và tuyên giới Bát-kính. Từ đó
trong Phật pháp mới có hàng Tĩ-Kheo-ni và mới đủ tứ-chúng.

XXVII. — Phật chế giới luật

Cùng trong năm ấy, Phật đương ở trong nước Tỳ-xá-
Ly, có vị Tĩ-kheo tên là Tu-Đề-Na-Từ về nhà hành dâm
với vợ mình. Các Tĩ-kheo bạch Phật về lỗi ấy, thì Phật
nhóm cả đại chúng quở trách và chế ra dâm-giới. Đó là
lần đầu Phật chế giới-luật. Về sau thấy đệ-tử phạm đều gì thời
chế giới ấy, như vậy trong 12 năm thì đủ các giới luật đạo Phật.

(Còn nữa)

VIÊN-ÂM

SỰ TÍCH THẦY THÍCH-CHÍNH-TÚC

Thầy Thích-Chính-Túc người họ Trần ở phường Châu-thị, làng Thủy-Ba, phủ Vĩnh-Long, tỉnh Quảng-Trị.



CHON - DUNG CỦA THẦY
THÍCH-CHÍNH-TÚC

Thầy xuất-gia từ khi 11 tuổi và nhập-chúng ở chùa Vạn-Phúc. Khi còn nhỏ, thầy đã có khiếu thông-minh, nên học hành rất là mau chóng. Năm 12 tuổi được thầy Trù-Tri chùa Vạn-Phước thế độ ; vừa tiếp đến trường-kỳ ở chùa Từ-Hiếu, thầy thọ-giới Sa-Di. Vì chỗ thông-minh khả dụng nên được bổn-sư cho theo đòi học tập cùng thầy Tăng-Cang chùa Thiên - Hưng. Học mới được một năm, vừa lúc các thầy kiết - hạ, thầy Thích-Chính-Túc phải làm

thị-giá. Từ đó, tuy đường tu có tấn-bộ nhưng việc học hành thì có phần trễ nãi. Cách ba năm sau, nghĩa là khi thầy đã được 17 tuổi, thầy mới bắt đầu học lại với thầy Trù-Tri Trúc-Lâm. Thầy hết lòng tu học, không trễ nãi một khắc nào cả : trong khoản thời-gian ấy, thầy cũng lắm lúc ốm đau, nhưng khi nào cũng tỏ một thái-độ khăng-khải không chịu ngã lòng rùn chí bao giờ. Năm 20 tuổi thầy vào Bình-định tham học với ngài Hòa-Thượng Thập-Tháp, rồi theo ngài ra học tại chùa Trúc-lâm. Cách ba năm sau, Hội-viên, Phật-học

Hội sáng lập học-đường tại chùa Vạn-Phúc do thầy Thích-Mật-Khế giảng dạy, nên thầy Thích-Chánh-Túc trở về chùa học tập.

Tuy nay đây mai đó nhưng trên con đường học tập, bao giờ thầy cũng cương-quyết vững-vàng và chí nguyện độ sanh bao giờ cũng hoài bảo.

Đến năm 24 tuổi, thầy trợ bút cho Viên-Âm, và cũng có nhiều lần lên giảng đường thuyết pháp. Đến mùa xuân năm nay, thầy vào học Mật-Tôn ở Đà-Thành (Tourane) tu hành tinh tấn mới được ba tháng thì thọ bệnh, trở về chùa tịch ngày 19 tháng 5 khi giờ Ngọ.

Lễ tổng-chung cử hành ngày 22 tháng ấy, có cả Phật-học-Hội, chư-sơn và bốn-ấp đi đưa.

Thầy chỉ thọ được 25 tuổi, cái tuổi đương hăng hái tu hành, đương chưa chán hi-vọng, mà nhưn-duyên bắt thầy phải bỏ Hội chúng tôi trong khi đương cần người hoằng-dương Phật-pháp. Nhưng công việc của thầy làm, không phải chỉ trong một đời và mục-dịch của Hội chúng tôi không phải chỉ trong một kiếp; miêng còn một chúng sanh là còn hành đạo.

Nam-mô A Di-Đà Phật, Hội chúng tôi xin một lòng chúc nguyện thầy kiên-cố Bồ-Đề-tâm cho đến khi thành Đẳng chánh giác.

PHẬT-HỌC-HỘI

ĐÍNH CHẤNH số 13

Trương 35, hàng 18	Thật-Phất-kê
Xin đọc	Thất-Phật-kê
Trương 36, hàng 13	tu nhiều kiếp
Xin đọc	tuy nhiều kiếp
Trương 53, hàng 27	hãy xin đọc thấy

LƯƠNG-XUYÊN PHẬT-HỌC-HỘI

L.T.S. — Chúng tôi được hay Lương-Xuyên Phật-Học-Hội, một Hội nghiên - cứu và truyền - bá đạo Phật, mỗi ngày mỗi khoách-trương thêm, một lòng tùy-bĩ .

Tiền đây xin đăng điều-lệ của hội ấy và xin giới - thiệu cùng chư thiện-tín.

ĐIỀU - LỆ

TÊN-HỘI — TÔN-CHỈ — VỊ-TRÌ

Điều thứ nhất. — Những vị ký tên dưới đây và các ngài học Phật ưng thuận theo điều - lệ này đồng lập một hội Nghiên-cứu và truyền-bá đạo Phật, cốt để khoách-trương và tuyên truyền giáo-lý và quy-phạm đạo Phật có chánh phủ kiểm duyệt.

Hội lấy tên là « LƯƠNG-XUYÊN PHẬT-HỌC-HỘI ».

Điều thứ hai. — Hội vị trí sẽ lập tại ấp Thanh-lệ, làng Long-đức (Tràvinh) nơi chùa Long-phước.

Điều thứ ba. — Sẽ lập một trường học Phật đặng đào tạo tăng ni cốt để tuyên truyền chánh giáo của đạo Phật. Trường ấy cũng lo diễn ra tiếng quốc - âm, những kinh luật viết bằng chữ Tàu. Mười lăm ngày trước khi lưu hành phải trình cho Chánh - phủ kiểm duyệt.

Điều thứ tư. — Mỗi ngày chúa nhật, sẽ hành lễ cúng Phật, kể đó Hội chọn một vị đại-sư để giảng giải phần kinh, luật Phật. Hành lễ ấy sớm mai từ bảy giờ tới mười giờ và chiều từ sáu tới mười giờ.

Điều thứ năm. — Nghiêm cấm chẳng đặng bàn cãi về việc quốc-sự, không đặng bình-phẩm các tôn-giáo đang lưu-bổ và không đặng làm trở ngại tự do tín ngưỡng của người.

BÀN QUẢN-LÝ — PHÒNG VIỆC

Điều thứ sáu. — Hội chịu dưới quyền một bàn quản-lý gồm có một Hội-trưởng, một Phó-Hội-trưởng, một Thủ-bổn, một Phó-thủ-Bổn, một Chánh Thư-Ký, một Phó-Thư-Ký, một Pháp-Sư (người Sa-môn), một Giảng-Sư (người Sa-môn), một hay nhiều Giáo-Thọ (Sa-môn hay cư-sĩ), hai viên Kiểm soát.

Điều thứ bảy. — Hội có một Ban Chỉ-Huy gồm có : một viên Tổng-Lý, một Phó Tổng-Lý, và một viên Cố-vấn-trưởng nom thật-hành việc hành-chánh của hội.

Điều thứ tám. — Hội có một Bàn Danh-dự gồm có : một Chánh Hội-trưởng danh-dự, một Phó-Hội-trưởng danh-dự, nhiều hội-viên Danh-dự, nhiều hội-viên Sáng-lập, nhiều hội-viên Thi-án, nhiều hội-viên Thường-trợ, nhiều hội-viên Tán-trợ.

Chức Hội-trưởng danh-dự đã lặn cho quan Chủ-tĩnh.

Chức Phó-Hội-trưởng danh-dự và hội-viên Danh-dự sẽ tặng cho những vị nào có giúp cho Hội những công việc đặc biệt.

Hội-viên sáng-lập là những vị đứng lập thành Hội.

Hội-viên thường-trợ là những vị đóng tiền vào Hội 3\$00 và góp mỗi tháng 0\$50.

Hội-viên Thi-án là những vị đóng tiền vào Hội 5\$00 và góp mỗi tháng 1\$00.

Hội-viên nào có lòng từ-thiện cho Hội một lần là vì việc nhà ràng buộc không đến can dự vô công việc của Hội, thì tho chức hội-viên Tán-trợ.

Hội-viên Sáng-lập, hội-viên Thi-án và hội-viên Thường-trợ phải có mặt mỗi năm trong khi đại hội đặng cho Hội có thể chọn lựa hội-viên bàn Quản-lý.

Sau khi bàn Hội-viên thành-lập các hội-viên Quản-lý sẽ chọn hội-viên bàn Chỉ-huy.

Hội-viên hay bàn hội nói trên, mỗi năm đều cử lại.

Hội-viên Ban Quản-lý và Ban Chỉ-huy đều là thi công, được tài - cử vô - hạn. Những hội-viên ấy phải đủ tuổi thành-nhơn (21 tuổi). Sổ biên danh tánh các hàng hội-viên chỉ rõ gồm về Ban Chỉ-huy và Ban Quản-lý phải nạp mỗi sáu tháng tại Tòa bố Tràvinh.

NHẬP HỘI — XIN THỜI — TRỤC XUẤT

Điều thứ 9. — Người nào, hoặc nam, hoặc nữ tánh hạnh tốt và tiếng tăm tròn vẹn thì đứng xin nhập-hội, một điều cần nhất là phải có hai hội-viên tiến dẫn. Đơn xin nhập-hội phải gửi cho Ban Chỉ huy.

Điều thứ 10. — Hội-viên nào đề trễ quá sáu tháng, không đóng tiền nguyệt cấp cho Hội thì kể như từ chức, và xả lên nơi sở Hội-viên.

Hội-viên nào không tuân điều-lệ hội, hoặc bị án Tòa làm mất danh-giá của mình sẽ bị trục xuất.

Khi bị trục xuất, những sản vật đã cúng cho hội hoặc tiền đã đóng thì không được đòi lại.

TÀI SẢN — SỔ SÁCH

Điều thứ 11. — Tài-sản của hội gồm có:

1. — Tiền nguyệt-cấp và tiền nhập-hội của hội-viên.

2. — Của bá-tánh cúng, hoặc ruộng đất, kinh sách, bán ghế vân vân... Có ai hiến cho hội quá số 50\$00 phải có phép quan Chủ-ñnh Tràvinh cho, mới được thâu nhận.

Tiền Hội phân làm ba hạng:

1. - Tiền dự trữ. 2. - Tiền chi tiêu thường ngày. 3. - Tiền chi tiêu ngoại-lệ.

Về tiền chi tiêu ngoại lệ, Thủ bổn không được giữ quá số 100\$00. Về tiền chi tiêu thường ngày, Thủ bổn giữ một tối sền cần tch tùy theo số dự toán của Hội.

Tiền dư làm tiền dự trữ, sẽ gởi nơi một nhà Ngân hàng để tên chỗ Hội gởi.

Chỉ một mình ông Hội-trưởng Ban Quản-lý được phép lãnh tiền phải có vi bằng của ban Quản-lý cho phép lãnh, từ vi bằng ấy phải cầu chứng và có gắn tấm hình của ông Hội-trưởng. Hình phải có con dấu đỏ của Nhà nước biết chứng.

Hội chỉ được sắm nhà đất cần cho sự hành-dộng của Hội mà thôi.

ĐẠI HỘI

Điều thứ 12.— Mỗi tháng Ban Quản-lý nhóm một lần để xem xét sổ sách và kiểm tra công việc của giáo-sư và việc học hành của Tăng-ni.

Điều thứ 13.— Nhóm Đại-hội mỗi năm hai kỳ : tháng giêng tháng bảy Lãng-sa.

Cuộc nhóm đại-hội thường niên được kẻ dùng phép là khi có mặt một số hội-viên ít nữa là một phần năm hội-viên có tên trong sổ.

Nếu Hội-viên đi nhóm không đủ số, thì làm ngày sau sẽ mời nhóm lần thứ nhì: số hội-viên đi nhóm đầu nhiều hay ít, những đều quyết nghị kỳ đại-hội thứ nhì đều là đúng phép.

Điều thứ 14 — Kiểm soát viên phải rình cho Đại hội rõ tình trạng của Hội về bên đạo-dức và bên tài-chánh.

Sổ sách về thu-xuất, sổ biên lai lãnh tiền bạc và thư tín phải trình cho quan Thống-độc Nam-kỳ, hay là cho viên quan đại biểu của ngài mỗi lần có lệnh truyền.

GIẢI-TÁN PHÂN-SẢN

Điều thứ 15.— Nếu Hội giải-tán thì sự giải-tán do hội-viên nhóm đại-hội đồng tình quyết định.

Điều thứ 16.— Khi giải-tán tài sản và tư-bản của Hội sẽ đứng cho các hội phước-thiện có quan Chủ-lĩnh đồng ý mới đứng.

Điều thứ 17. — Đại-hội có quyền sửa đổi điều - lệ Hội.
Nếu có đề nghị thêm hay là sửa đổi thì phải trình cho quan
Thống-độc Nam-kỳ phê duyệt.

Điều-lệ này có đem ra bàn cãi nơi Ban Cai quản tạm
thời ngày 1^{er} Mars 1934.

Bên sáng lập

TÔNG LÂM

I

Pháp Sư

Lê - khánh - Hòa, 58 tuổi
Hòa-thượng chùa Tiên-linh
làng Tân-buơng Kentre

Giảng-Sư

Huệ-Quang, 46 tuổi
Hòa-thượng chùa Long-hòa
Làng Hùng-hòa (Travinh)

Giáo-Thọ

Nguyễn-văn-An, 38 tuổi
Trụ-tri chùa Phước-Son
Làng Phước-hung (Travinh)

Hội-viên Sáng lập

1. — Huỳnh-văn-Ngà, 36 tuổi
Hội-đồng Địa-bạt (Travinh)
2. — Nguyễn-văn-Thọ, 37 tuổi
Giáo-viên Travinh
3. — Thái-Khanh, 36 tuổi
Thương-gia Travinh

CỰ SĨ:

I

Chánh-Hội-Trưởng :

Huỳnh-thái-Cửu, 65 tuổi
Huyện-hàm Travinh

2. — Phó - Hội - Trưởng

Ngô - trung - Tĩnh, 62 tuổi
Huyện-hàm Travinh

3. — Thủ Bồn

Thái-Phước 52 tuổi
Thương-gia Travinh

4. — Thư ký

Lữ - long - Giao, 41 tuổi
Nghiep-chủ Travinh

5. — Cổ-văn-viên

Phạm - văn - Liêu, 40 tuổi
Trưởng-tòa Travinh

6. — Kiểm-soát-viên

Võ-đuy-Ninh, 46 tuổi
Nghiep-chủ Travinh

Quan Thống-Độc Nam - kỳ

cho phép ngày 13 Août 1934 N°2286

Ký tên : PAGES



DỤ' CẢO



SỐ 15

sẽ có những bài:

Sự thật, Pháp, Khoa-học với
Phật-pháp, Phong-truyền Phật-giáo
chân-hưng, Đối với phần thứ hai
của bài « Phong-truyền Phật-giáo »
trong báo T. A. vân vân.



MỘT SỔ : 0\$20

MỘT NĂM : 2\$00

VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

NGUYỆT-SAN CỦA HỘI PHẬT-HỌC — HUẾ

TÒA-SOẠN :

5, Rue Champeau — Hué

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THẨM, Médecin indochinois

Boîte postale N° 73 — Hué

KÍNH CÙNG ĐỘC-GIÃ

Thay mặt cho chúng tôi về phần thâu tiền và xuất biên-lai thì chúng tôi có cây :

Ở Faifo và Tam-kỳ, M. Đăng-ngọc-Chương

Ở Tourane

M. Vũ-như-Kim ;

Ở Hué

M. Ưng Tiến.

Trừ ra, xin lấy biên-lai của Tòa-soạn làm bằng cứ, vì chúng tôi không còn ủy thác ông nào xuất biên-lai và thâu tiền ở nơi nào nữa cả.

Xin độc giả chú ý.

VIÊN ÂM